

Số: 3294/STC-KTĐN

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 5 năm 2026

V/v tham gia ý kiến về năng lực tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên để thực hiện dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao (đợt 3)"

Kính gửi: UBND xã Tân Yên

Sở Tài chính nhận được Công văn số 549/UBND-KT ngày 08/4/2026 của UBND xã Tân Yên về việc cho ý kiến về năng lực tài chính đối với Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên (sau đây gọi tắt là Công ty).

Ngày 06/5/2026, Sở Tài chính nhận được hồ sơ và văn bản giải trình năng lực tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên; sau khi nghiên cứu, xem xét, Sở Tài chính tham gia ý kiến năng lực tài chính của Nhà đầu tư để thực hiện dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao (đợt 3)" Khu Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh, như sau:

### 1. Về năng lực tài chính

Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được UBND tỉnh Bắc Giang thành lập tại Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020; điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án tại các Quyết định: số 1193/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 và số 34/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 theo quy định của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Qua rà soát, đến nay, dự án chưa được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020, tổng mức đầu tư của Dự án khoảng 347.650.000.000 đồng (gồm vốn của chủ đầu tư và vốn huy động hợp pháp khác). Theo báo cáo giải trình năng lực tài chính, Nhà đầu tư xác định: vốn góp: 69.530.000.000 đồng; vốn huy động: 278.120.000.000 đồng.

Theo hồ sơ Nhà đầu tư cung cấp<sup>1</sup>:

- Phần vốn góp 69,53 tỷ đồng của chủ sở hữu được chứng minh thông qua Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được cơ quan thuế chấp nhận khi thực hiện nộp hồ sơ khai thuế điện tử (năm 2025, Công ty có tổng vốn chủ sở hữu là 94.676.443.422 đồng; hiện Công ty đang thực hiện hai dự án: Dự án "Nhà xưởng CN 07" với số vốn góp 20 tỷ đồng; Dự án "Đầu tư xây dựng hạ

<sup>1</sup> Sở Tài chính cho ý kiến dựa trên hồ sơ Nhà đầu tư cung cấp. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ.

tầng kỹ thuật CCN Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh với số vốn góp là 69,53 tỷ đồng. Tổng vốn góp để thực hiện 02 dự án nêu trên là 89,53 tỷ đồng (thấp hơn vốn chủ sở hữu)).

- Đối với phần vốn huy động là 278,12 tỷ đồng, Nhà đầu tư đã cung cấp văn bản xác nhận cung ứng tín dụng cho Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên để thực hiện Dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao (đợt 3)" số 282XNCCTC2600008 ngày 26/4/2026 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Ninh.

Như vậy, Nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án.

## 2. Về ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án

Nhà đầu tư đã thực hiện việc ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định (đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Ninh bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ số 0282BG2600207 ngày 24/4/2026).

Đề nghị UBND xã Tân Yên tổng hợp, giải quyết theo quy định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (B/c);
- PGĐ Sở (đ/c Thảo);
- Lưu: VT, KTĐN<sub>(01)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vu Thị Phương Thảo

ORIGINAL

VietinBank

Serial No.: BG-20201730

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh Bắc Ninh

Địa chỉ: Số 31 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 84.241.825750 Fax: 84.241.820101

SWIFT code: ICTV-VNVA282

Website: www.vietinbank.vn

Ngày 24/04/2026

**BẢO LÃNH NGHĨA VỤ KÝ QUỸ  
ĐỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
SỐ: 0282BG2600207**

**Kính gửi: SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

Căn cứ Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư ngày 20/04/2022 giữa Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên và Sở Công thương Bắc Giang (Nay là Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh).

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành cam kết bảo lãnh ngày 24/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên V/v phát hành thư bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ đề bảo đảm thực hiện Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Lăng Cao huyện Tân Yên"

Chúng tôi được biết rằng Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên có địa chỉ tại Khu Lăng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (Nay là Khu Lăng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh) (dưới đây gọi là "Bên được bảo lãnh") đã được chấp thuận là Nhà đầu tư cho dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Lăng Cao huyện Tân Yên" theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi là "Dự Án").

Theo bản Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư ký giữa Bên được bảo lãnh và Sở Công thương Bắc Giang (Nay là Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh) (Sau đây gọi là "Bên nhận bảo lãnh"), Bên được bảo lãnh phải cung cấp cho Bên nhận bảo lãnh một Bảo lãnh của ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện Dự Án.

Theo đề nghị của Bên được bảo lãnh, chúng tôi **NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC NINH** (sau đây gọi là "Ngân hàng") có địa chỉ tại số 31 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh chấp thuận bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện Dự Án cho Bên được bảo lãnh với nội dung như sau:

1. Thư bảo lãnh này bảo đảm cho nghĩa vụ ký quỹ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư năm 2020 và theo Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư ngày 20/04/2022 giữa Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên và Sở Công thương Bắc Giang (Nay là Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh) với dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Lăng Cao huyện Tân Yên" (Sau đây gọi là "Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư"). Theo đó, Bên được bảo lãnh có nghĩa vụ thực hiện bảo đảm thực hiện dự án bằng bảo lãnh của Tổ chức tín dụng về nghĩa vụ ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

0282BG2600207

1/3


ngày 26/03/2021 của Chính Phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Giá trị bảo lãnh: 7.464.750.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)
  3. Trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh nêu tại Mục 5 của Thư bảo lãnh này, Ngân hàng cam kết không huy ngang nộp khoản tiền ký quỹ tương ứng với giá trị nghĩa vụ bảo lãnh vào tài khoản của Bên nhận bảo lãnh nhưng không vượt quá số tiền nêu tại Mục 2 khi Ngân hàng nhận được các tài liệu sau:
    - i. Bản gốc văn bản tiếng Việt yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền và con dấu của Bên nhận bảo lãnh kèm theo xác nhận của Bên nhận bảo lãnh ghi rõ nghĩa vụ mà Bên được bảo lãnh đã không thực hiện đúng theo quy định tại điều 26 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021.
    - ii. Bản gốc Thư bảo lãnh này;
  4. Trách nhiệm của Ngân hàng theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền nêu tại Mục 2 và trách nhiệm này sẽ giảm trừ tương ứng theo các trường hợp sau:
    - 4.1 Giảm tương ứng với phần trách nhiệm mà Bên được bảo lãnh đã thực hiện theo một trong các trường hợp sau:
      - i. Giá trị bảo lãnh sẽ tự động giảm 50% mức bảo lãnh tại thời điểm Ngân hàng chúng tôi nhận được các chứng từ chứng minh Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc chấp thuận khác để thực hiện hoạt động xây dựng;
      - ii. Bên nhận bảo lãnh có văn bản xác nhận việc giảm trừ phần nghĩa vụ bảo lãnh.
    - 4.2 Giảm tương ứng với giá trị ký quỹ cho Dự án mà Bên được bảo lãnh đã thực hiện chuyển/nộp để bảo đảm cho Dự án, và bảo lãnh Ngân hàng đã được thực hiện (nếu có). Các chứng từ chứng minh nghĩa vụ bảo lãnh đã được thực hiện bao gồm: bản sao chứng thực lệnh chi/giấy nộp tiền hoặc xác nhận đã nhận tiền của Bên nhận bảo lãnh sẽ là bằng chứng cuối cùng cho việc giảm trừ này.
    - 4.3 Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án: giảm tương ứng số tiền bảo đảm được giảm kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh và khi ngân hàng chúng tôi nhận được các văn bản này.
  5. Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh: Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ hết hiệu lực theo các trường hợp sau (tùy thời điểm nào quy định tại mục 5.1 và 5.2 dưới đây đến trước):
    - 5.1 Khi Bên được bảo lãnh hoàn thành nghĩa vụ ký quỹ theo thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư thể hiện trên các chứng từ; bản sao chứng thực lệnh chi/giấy nộp tiền hoặc xác nhận đã nhận tiền của Bên nhận bảo lãnh được Bên được bảo lãnh xuất trình đến Ngân hàng chúng tôi hoặc Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có); hoặc
    - 5.2 Đến hết ngày 15/04/2027.
  6. Khi đến ngày hết hạn bảo lãnh mà Bên được bảo lãnh không đề nghị gia hạn hiệu lực của thư bảo lãnh và không có ý kiến của Bên nhận bảo lãnh về việc chấm dứt hiệu lực của thư bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ chuyển số tiền tương ứng với giá trị bảo lãnh còn phải thực hiện theo thư bảo lãnh này vào tài khoản của Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh để tiếp tục ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư.
  7. Mọi yêu cầu thanh toán của Bên nhận bảo lãnh liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được gửi đến Trụ sở của Ngân hàng tại địa chỉ số 31 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh trong thời gian làm việc của Ngân hàng.
  8. Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.
- Thư bảo lãnh này được phát hành duy nhất 01 bản gốc và không cho phép chuyển nhượng khi chưa có sự đồng ý

0282BG2600207

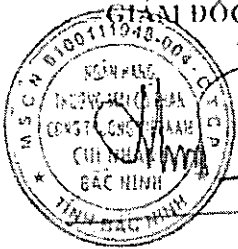
2 / 3

ORIGINAL

VietinBank 

Serial No: BG 26001738

hàng vẫn ban của Ngân hàng  
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM  
CHI NHÁNH BẮC NINH



K/T GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Lê Anh*

Chữ ký được ủy quyền

(\*) Quý khách hàng vui lòng quét mã QR trên đây hoặc truy cập địa chỉ website <https://banking.vietinbank.vn/tra-va-bao-lanh> để kiểm tra tính xác thực của thư báo lãnh thư



0282BG2600207

3/3

Số văn bản: 282/NCC/CTN/CS/CLP

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 04 năm 2026

### CAM KẾT CUNG CẤP TÀI CHÍNH

Kính gửi: + Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh  
+ Quý cơ quan ban ngành tỉnh Bắc Ninh

- Căn cứ Hồ sơ đề nghị phát hành xác nhận cung cấp tài chính ngày 24/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên.
- Căn cứ tình hình thực tế.

Chúng tôi, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh - Giấy chứng nhận ĐKKD 0100111948-004 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/02/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/04/2023, địa chỉ: Số 31 đường Nguyễn Đăng Đạo, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh, đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Anh, chức vụ: Phó Giám đốc (Theo văn bản ủy quyền số 308/UQ-HDQT-NHCT-PC/TT ngày 14/04/2025 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) đồng ý cung cấp tài chính hoặc làm đầu mỗi cung cấp tài chính cùng các tổ chức tín dụng khác để cấp cho Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên - ĐKKD số 2400608075 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 04/06/2012, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 25/07/2024, địa chỉ: Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (Nay là Khu Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh) một khoản tiền tối đa là 278.120.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tám tỷ một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) cho khách hàng thực hiện dự án: "Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao huyện Tân Yên" với điều kiện:

- Tại thời điểm cấp tín dụng Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên và khoản tín dụng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện được cấp tín dụng theo quy định pháp luật và quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Văn bản cung cấp tài chính không phải là thông báo cho vay, không có giá trị giải ngân, không phải là cam kết bảo lãnh. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh không chịu trách nhiệm trong trường hợp Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên sử dụng công văn này với mục đích trái pháp luật.

Xác nhận cung cấp tài chính có hiệu lực từ ngày ký và không vượt quá thời gian thực hiện dự án. Xác nhận cung cấp tài chính này được lập thành 01 (một) bản. Xác nhận cung cấp tài chính này là có hủy ngang, chỉ được dùng với mục đích thông báo, không có giá trị thanh toán và không có giá trị chuyển nhượng hoặc thế chấp, cấm có dưới bất kỳ hình thức nào.

Trân trọng!



K.T. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lê Anh

Số: 115./GM-KT

Tân Yên, ngày 09 tháng 4 năm 2026

## GIẤY MỜI

Kính gửi:

- Chi nhánh Trung tâm PTQĐ Tân Yên;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai liên xã Tân Yên;
- Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện trong lĩnh vực đất đai, việc áp dụng trình tự thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xét hồ sơ xin thuê đất của Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên số H05.190.1-260405-001.

Phòng Kinh tế tổ chức hội nghị thẩm định hồ sơ xin thuê đất (đợt 3) của Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên để thực hiện Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên – nay là xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh.

**\* Thành phần:**

- Phòng Kinh tế: Đại diện Lãnh đạo và chuyên viên phụ trách.
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai liên xã Tân Yên: Đại diện lãnh đạo và cán bộ đo đạc phụ trách.
- Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên: Người đại diện theo pháp luật.



\* **Thời gian:** Buổi chiều, từ 14 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 4 năm 2026.

\* **Địa điểm:** Kiểm tra thực địa khu đất trước khi họp tại phòng họp tầng 5, tòa nhà 9 tầng đối diện Quảng trường Lương Văn Năm.

**Đề nghị:**

- Chi nhánh Trung tâm PTQĐ Tân Yên: Báo cáo công tác GPMB đối với phần diện tích đề nghị cho thuê đợt 3 của Cty, đồng thời chuẩn bị các nội dung liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng (*Danh sách chi trả tiền BTHT, bản đồ GPMB....*) làm cơ sở cho thuê đất theo quy định.

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai liên xã Hiệp Hòa: Chuẩn bị các nội dung liên quan tới việc chỉnh lý biến động đối với các thửa đất thu hồi trên Giấy chứng nhận đã cấp, hồ sơ địa chính.

- Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên: Chuẩn bị các nội dung liên quan đến dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất báo cáo tình hình chấp hành pháp luật đất đai đối với các dự án đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Đề nghị các đại biểu về dự đầy đủ, đúng giờ để hội nghị đạt kết quả./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã (b/c);
- Văn phòng HĐND&UBND;
- LĐ Phòng KT, CV;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHỤ TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Thị Ngân**

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

(Liên 2: Giao cho công dân)



Cán bộ tiếp nhận: **Đinh Thị Hồng Thúy** Chức vụ: Chuyên viên Số điện thoại:

Tiếp nhận hồ sơ của: **Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên**

Địa chỉ: Khu lãng cao, xã Tân yên, tỉnh Bắc Ninh, Xã Tân Yên, Tỉnh Bắc Ninh

Số điện thoại: Email:

Người nộp hồ sơ: **Nông Thị Bích Thủy**

Số điện thoại: 0975178155

Địa chỉ: Phường Kinh Bắc - Tỉnh Bắc Ninh

Nội dung yêu cầu giải quyết: Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất

Trích yếu: 1.013949.H05 - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất

**Thông tin phí:**

1. PHÍ nộp Trực tuyến-Giao đất, cho thuê đất các tổ chức, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh-Diện tích từ 30.000m<sup>2</sup> trở lên (I.6.3): 3.750.000đ (Khi trả kết quả)

2. PHÍ nộp Trực tuyến-Thẩm định HS cấp GCN quyền sử dụng đất ở của cá nhân có diện tích dưới 500m<sup>2</sup> (I.6.1): 50.000đ (Khi trả kết quả)

**Thông tin bổ sung:**

Thửa đất số: 226 ; Tờ bản đồ số: 67 ; Diện tích(m<sup>2</sup>): 76358.6

Địa chỉ thửa đất: Khu Lãng Cao, xã Tân yên, tỉnh Bắc Ninh ; Phường Xã: Xã Tân Yên

**Ghi chú (hồ sơ):**

1.013949.H05 - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất

**Nội dung xử lý:**

1.013949.H05 - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất

**Thành phần hồ sơ nộp gồm:**

1. Một trong các giấy tờ sau: + Bản sao một trong các giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị pháp lý và không phải cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. + Quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. + Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư hoặc thể hiện thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. (1 Bản chính, 1 Bản sao)

2. Đơn theo Mẫu số 01 (1 Bản chính, 1 Bản sao)

3. Bản sao văn bản phê duyệt dự án đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (nếu có). (1 Bản chính, 1 Bản sao)

Số lượng hồ sơ: 1

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 15.0 (ngày làm việc)

Thời gian nhận hồ sơ: 08 giờ 23 phút, ngày 06 tháng 04 năm 2026

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: 08 giờ 23 phút, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Đăng ký nhận kết quả tại: Tại nơi nộp hồ sơ (theo giấy hẹn trả)

Vào sổ theo dõi hồ sơ, quyền số: .....H05.190.1....., số thứ tự .....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

Nông Thị Bích Thủy

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**



Đinh Thị Hồng Thúy

**NGƯỜI NHẬN KẾT QUẢ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Thời gian trả kết quả thực tế  
....giờ....phút, ngày....tháng....năm

Một số thông tin hướng dẫn công dân/ doanh nghiệp làm thủ tục:

- Số điện thoại hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết TTHC của công dân/ doanh nghiệp: 0889 190 555
- Khi đến lấy kết quả, công dân mang theo giấy tiếp nhận hồ sơ này và giấy ủy quyền (Nếu chủ hồ sơ không đến nhận kết quả)
- Để tra cứu thông tin hồ sơ, đóng góp ý kiến, hỏi đáp trực tuyến, sử dụng trang web: <http://hec.bacninh.gov.vn> hoặc <http://dvc.bacninh.gov.vn>

**Mẫu số 01. Đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, xin thuê đất.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Yên, ngày 04 tháng 04 năm 2026.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XIN THUÊ ĐẤT**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã Tân Yên

1. Người xin chuyển mục đích sử dụng đất<sup>2</sup>: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP VÀ TMDV TÂN YÊN**

Người đại diện theo pháp luật: **NÔNG THỊ BÍCH THỦY**. Giới tính: Nữ

+ Chức danh: Giám Đốc

+ Sinh ngày: 18/01/1980; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam.

+ Số CCCD: 004180005008 cấp ngày 18/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

+ Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 30 BT3, khu 5, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh

2. Địa chỉ/trụ sở chính: Khu Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh

3. Địa chỉ liên hệ: Khu Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh

4. Địa điểm thửa đất/khu đất: Khu Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh

5. Diện tích đất xin CMD, thuê đất (m<sup>2</sup>): **76.358,6 m<sup>2</sup>**

6. Diện tích rừng (m<sup>2</sup>) (nếu có): .....

7. Để sử dụng vào mục đích<sup>4</sup>: Thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Lãng Cao

8. Thời hạn sử dụng đất: 50 năm (Đến ngày 08 tháng 12 năm 2070).

9. Xác định nhu cầu sử dụng đất thuộc trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định (nếu có).

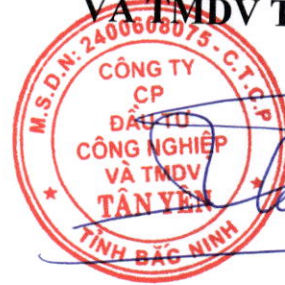
10. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

- Trong thời hạn 12 tháng kể từ khi được giao đất chủ đầu tư không thực hiện đầu tư hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép sẽ bị thu hồi đất.

11. Tài liệu gửi kèm (nếu có)<sup>5</sup>:

- Đăng ký kinh doanh;
- Bản đồ giao đất;
- Tập hồ sơ các văn bản theo quy định.

**CÔNG TY CPĐT CÔNG NGHIỆP  
VÀ TMDV TÂN YÊN**



GIÁM ĐỐC  
*Nông Thị Bích Thủy*

Số: 01 /TTr-TY

Tân Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị cho Công ty CP đầu tư công nghiệp và Thương mại dịch vụ Tân Yên thuê đất (đợt 3) để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh

### I. Phần căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 về giá đất; Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; Số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 Quy định chi tiết về đất trồng lúa; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 09/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quyết định chủ trương về việc thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất để phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang: Số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; số 1193/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên; số 34/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên. số 704/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên. Căn Cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400608075 do phòng Đăng ký kinh doanh,

*Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 04/6/2012 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/07/2024;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Tân Yên, xã Tân Yên: số 409/QĐ-UBND, ngày 22/3/2022 Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 1); số 672/QĐ-UBND, ngày 18/4/2023 Quyết định về việc về việc thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 1); số 667/QĐ-UBND, ngày 18/4/2023 Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 3); số 674/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 4); số 669/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 5); số 99/TB-UBND ngày 05/5/2025 thông báo thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 6); số 671/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 6); số 1266/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 Quyết định về việc thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 7); số 124/QĐ-UBND ngày 02/04/2025 Quyết định về việc thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 8); số 3159/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 Quyết định về việc thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (đợt 8);*

## **II. Phần nội dung trình**

### **1.1. Việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 122 Luật Đất đai 2024**

#### **a. Về đầu tư**

- Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là dự án Cụm công nghiệp Lãng Cao) đã được UBND Tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (thuộc nhóm dự án không phải chấp thuận giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

#### **b. Về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- *Về quy hoạch sử dụng đất:* Phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Tân Yên được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt, điều chỉnh bổ sung 02 dự án tại Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về

việc đính chính Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh.

- *Về kế hoạch sử dụng đất*: Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Tân Yên được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 08/5/2025.

- *Về danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng rừng*: Dự án được HĐND tỉnh Bắc Giang thông qua tại Nghị quyết số 242/NQ-HĐND ngày 02/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (*Số thứ tự 740, phụ lục XXIV*).

- *Về Quy hoạch chi tiết xây dựng các Quyết định*: số 311/QĐ-UBND, ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500); số 3331/QĐ-UBND, ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500); số 723/QĐ-UBND, ngày 27/06/2025 của UBND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500).

- *Về Quy hoạch chung*: Dự án phù hợp với Quy hoạch chung Tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 do Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

- *Về môi trường*: Đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 678/QĐ-UBND, ngày 12/7/2021 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao”.

- *Về nộp tiền bảo vệ, phát triển đất rừng*: Công ty đã nộp đủ số tiền bảo vệ phát triển đất trồng rừng thay thế hai đợt, cụ thể được ghi nhận tại các văn bản: số 49/QBVPTR-BĐH, ngày 21/7/2021 của Sở Nông Nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang Quỹ bảo vệ và phát triển rừng với số tiền là 424.908.000 đồng; Số tiền nộp đợt 2 là 485.664.419 đồng theo Quyết định số 278/UBND-NN ngày 15/9/2023 (có chứng từ nộp tiền kèm theo).

#### *1.2. Các điều kiện khác có liên quan*

- *Về công tác giải phóng mặt bằng*: Toàn bộ diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (**76.358,6m<sup>2</sup>**) đã thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng, trong đó:

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp do thu hồi của Công ty CPĐTCN và TMDV Tân Yên là **1.887,4 m<sup>2</sup>**.

+ Đất do UBND xã quản lý được UBND huyện thu hồi đất và thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng là **74.471,2 m<sup>2</sup>**.

- Về môi trường: ĐTM tại Quyết định số 678/QĐ-UBND, ngày 12/7/2021 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao”.

- Về nộp tiền bảo vệ, phát triển đất rừng: Công ty đã nộp đủ số tiền bảo vệ phát triển đất trồng rừng thay thế hai đợt, cụ thể được ghi nhận tại các văn bản: số 49/QBVPTR-BĐH, ngày 21/7/2021 của Sở Nông Nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang Quỹ bảo vệ và phát triển rừng với số tiền là 424.908.000 đồng; Số tiền nộp đợt 2 là 485.664.419 đồng theo Quyết định số 278/UBND-NN ngày 15/9/2023 (có chứng từ nộp tiền kèm theo).

- Về việc tách khu đất công thành dự án độc lập: Dự án không có đất công không đủ điều kiện tách thành dự án độc lập theo quy định tại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh.

## **2. Kết quả đánh giá về hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất**

Hồ sơ xin thuê đất của Công ty CPĐTCN và TMDV Tân Yên đáp ứng theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 116 và Điều 117 Luật Đất đai năm 2024 (dự án nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 UBND huyện Tân Yên; có Quyết định thành lập CCN (đồng thời là quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư) của cơ quan có thẩm quyền; đã thực hiện xong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng;

Dự án thuộc diện được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo khoản 3 Điều 202 Luật Đất đai năm 2024; thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo điểm b, khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai năm 2024 (Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp); Dự án đáp ứng điều kiện giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 122 Luật Đất đai năm 2024; đáp ứng tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, sang mục đích khác theo Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ;

Thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: Đáp ứng quy định tại Điều 48; khoản 1, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ;

## **3. Nội dung đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất**

Công ty CPĐTCN và TMDV Tân Yên đề nghị Phòng Kinh tế trình Chủ tịch UBND xã Tân Yên xem xét quyết định một số nội dung sau:

3.1. Chuyển mục đích sử dụng đất **76.358,6m<sup>2</sup>** đất (Trong đó: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp do thu hồi của Công ty CPĐTCN và TMDV Tân Yên là

**1.887,4 m<sup>2</sup>**; đất do UBND xã quản lý được UBND huyện thu hồi đất và thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng là **74.471,2 m<sup>2</sup>**). Cụ thể các loại đất như sau:

- Diện tích Đất rừng sản xuất (RSX): 58.383,0 m<sup>2</sup>;
- Diện tích Đất rừng sản xuất (RTS): 14.497,4 m<sup>2</sup>;
- Diện tích Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): 1.887,4 m<sup>2</sup>;
- Diện tích Đất trồng cây hằng năm khác (BHK): 876,7 m<sup>2</sup>;
- Diện tích Đất giao thông (RSX): 361,2m<sup>2</sup>;
- Diện tích Đất Thủy lợi (DTL): 20,4 m<sup>2</sup>;
- Diện tích Đất sông ngòi, suối (SON): 332,5 m<sup>2</sup>;

(Có bảng tổng hợp danh sách các thửa đất đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất kèm theo)

### 3.2. Đề sử dụng vào mục đích:

Cho Công ty CPĐT CN và TMDV Tân Yên thuê diện tích **76.358,6m<sup>2</sup>** đất đã chuyển mục đích tại (mục 3.1) nêu trên để thực hiện dự án “Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao”, tại Khu Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh theo chấp thuận đầu tư và quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt.

- Mục đích sử dụng đất: Đất cụm công nghiệp (SKN).
- Thời hạn thuê đất: 50 năm, kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư
- Vị trí, ranh giới thửa đất: Được xác định theo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thực hiện ngày 30/12/2025;
- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
- Phương thức cho thuê đất: cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

### 3.3. Địa điểm: Khu Lãng Cao, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;

**CÔNG TY CPĐT CN VÀ TMDV**



GIÁM ĐỐC

*Nông Thị Bích Thủy*

GIÁM ĐỐC

*Nông Thị Bích Thủy*

**BẢNG THÔNG KÊ CÁC THỬA ĐẤT CHUYỂN MỤC ĐÍCH VÀ GIAO ĐẤT**  
**THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP LÃNG CAO, HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 3)**  
*(Kèm theo Tờ trình số 01/TT-TY ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Công ty CPĐT công nghiệp và TMDV Tân Yên)*

STT	Chủ sử dụng đất	Thông tin thửa đất theo BDDC			Loại đất	Thông tin thửa đất theo Hồ sơ địa chính				Diện tích thu hồi (m2)			Tên phân khu	Đất nhà máy, Kho tàng	Đất Cây xanh	Đất giao thông	Bãi đỗ xe	Hạ tầng kỹ thuật	DT Chuyển mục đích đợt 1+2	DT Chuyển mục đích đợt 3	DT giao UBND xã quản lý	Ghi chú
		Tờ BĐ	Số thửa	DT (m2)		Tờ BĐ	Số thửa	DT thửa (m2)	DT cấp (m2)	Đất hộ	UBND	Tổng										
1	UBND xã Cao Xá	67	188	6,310.3	DGT				0.0	170.8	170.8	GT				170.8			170.8	0.0	Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	67	202	606.2	DTL				0.0	36.6	36.6	GT				20.4			20.4	16.2	Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	67	158	10,286.3	DGT				0.0	23.8	23.8	GT							0.0	23.8	Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá				DGT				0.0	190.4	190.4	GT						190.4			190.4	0.0
1	UBND xã Cao Xá	67	250	711.5	RSX				0.0	711.5	711.5	GT				612.3			612.3		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	67	250	711.5	RSX	52	1	252,176			0.0	CN-02	99.2						99.2		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	75	77	9,564.4	RSX						0.0	9,564.4	9,564.4	CN-02	41.5						41.5	
1	UBND xã Cao Xá	75	77	9,564.4	RSX	53	56	56,748				CN-03	403.2						403.2		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	75	77	9,564.4	RSX							CN-04	566.3						566.3		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	75	77	9,564.4	RSX							CN-05	1,845.0						1,845.0		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	75	77	9,564.4	RSX							CN-06	2,903.1						2,903.1		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	75	77	9,564.4	RSX							CN-07	1,419.9						1,419.9		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	75	77	9,564.4	RSX							GT				2,385.5			2,385.5		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	75	25	3,414.4	DGT				0.0	278.9	278.9								0.0	278.9	Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	83	10	7,530.5	SON				0.0	72.2	72.2	GT				72.2			72.2		Số: 124/QĐ-UBND	
1	UBND xã Cao Xá	76	14	786.8	DTL				0.0	364.8	364.8	GT							0.0	364.8	Số: 124/QĐ-UBND	
2	UBND xã Ngọc Lý	3	274	20,598.7	SON				0.0	260.3	260.3	GT				260.3			260.3	0.0	Số: 124/QĐ-UBND	
3	Nguyễn Danh Hùng	75	41	1,335.2	RSX	53	161	2,571		1,335.2	1,335.2	CX-04	1,335.2					1,335.2	0.0	Số: 670/QĐ-UBND		
4	Nguyễn Văn Sơn	75	55	1,097.8	RSX	53	161	2,571		1,097.8	1,097.8	CX-04	1,097.8					1,097.8	0.0	Số: 670/QĐ-UBND		
5	Giáp Văn Bình (Xuân)	75	43	355.8	RSX	53	14	7,468.0		355.8	355.8	CX-04	355.8					355.8	0.0	Số: 670/QĐ-UBND		
6	Dương Văn Nhung	75	23	9,923.7	RSX	6	73	6,500	6,500.0	3,423.7	9,923.7	CX-04	1,212.4					1,212.4			Số: 670/QĐ-UBND	
6	Dương Văn Nhung	75	23	9,923.7	RSX							CN-05	2,455.8					2,455.8		411.6	Số: 670/QĐ-UBND	
6	Dương Văn Nhung	75	23	9,923.7	RSX							CN-06	3,196.4					3,196.4			Số: 670/QĐ-UBND	
6	Dương Văn Nhung	75	23	9,923.7	RSX							GT				2,647.5			2,647.5		Số: 670/QĐ-UBND	
7	Trần Thế Đoàn	75	10	3,506.4	RSX	6	71			3,319.3	3,319.3	CX-04	488.3					488.3	0.0	Số: 670/QĐ-UBND		
7	Trần Thế Đoàn	75	10	3,506.4	RSX							CN-03	556.4					556.4			Số: 670/QĐ-UBND	
7	Trần Thế Đoàn	75	10	3,506.4	RSX							CN-04	721.8					721.8			Số: 670/QĐ-UBND	
7	Trần Thế Đoàn	75	10	3,506.4	RSX							GT				1,552.8			1,552.8		Số: 670/QĐ-UBND	
7	Trần Thế Đoàn	67	248	2,536.7	RSX					2,536.7	2,536.7	CN-01	409.9					409.9	0.0	Số: 670/QĐ-UBND		
7	Trần Thế Đoàn	67	248	2,536.7	RSX							CN-02	1,952.2					1,952.2			Số: 670/QĐ-UBND	
7	Trần Thế Đoàn	67	248	2,536.7	RSX							GT				174.5			174.5		Số: 670/QĐ-UBND	
8	Giáp Văn Chung	67	178	4,089.1	RSX	6	61	15,080	1,893.0	2,196.1	4,089.1	CX-04	247.0					247.0	324.1	Số: 670/QĐ-UBND		
8	Giáp Văn Chung	67	178	4,089.1	RSX							CN-01	2,205.8					2,205.8			Số: 670/QĐ-UBND	
8	Giáp Văn Chung	67	178	4,089.1	RSX							GT				1,312.2			1,312.2		Số: 670/QĐ-UBND	



18	Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên	75	71	117,252.5	SKC						GT			209.7				209.7	số: 31/59/QĐ-UBND	
		75	71	117,252.5	SKC						CN17	36.9						36.9	số: 31/59/QĐ-UBND	
		75	71	117,252.5	SKC						CN16	117.9						117.9	số: 31/59/QĐ-UBND	
		75	71	117,252.5	SKC			618.9		618.9	GT			464.1				464.1	số: 31/59/QĐ-UBND	
1	UBND xã Tân Yên	75	33	907.4	BHK				876.7	876.7	CN16	119.9					119.9	số: 31/59/QĐ-UBND		
1	UBND xã Tân Yên	75	33	907.4	BHK						GT			756.8				756.8	số: 31/59/QĐ-UBND	
<b>Tổng</b>								24,389.4	59,940.3	84,329.7			48,290.9	10,013.8	18,053.9	0.0	0.0	4,830.4	76,358.6	3,140.8

**DANH SÁCH TỔNG HỢP DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT (ĐỢT 3)**  
**DỰ ÁN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP LÃNG CAO, HUYỆN TÂN YÊN**

(Kèm theo Tờ trình số 01/TTr-TY ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Công ty CPĐT công nghiệp và TMDV Tân Yên)

STT	Tên phân khu	Ký hiệu	Tổng diện tích phân khu	Trong đó			Ghi chú
				Diện tích cho thuê đất (m <sup>2</sup> ) (đợt 1)	Diện tích cho thuê đất (m <sup>2</sup> ) (đợt 2)	Diện tích cho thuê đất (m <sup>2</sup> ) (đợt 3)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất nhà máy kho tàng</b>		<b>279,744</b>	<b>218,795.5</b>	<b>19,899.7</b>	<b>48,290.9</b>	
1	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 01	5,034			5,034.0	
2	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 02	6,894			6,894.0	
3	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 03	9,301			9,301.0	
4	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 04	8,068			8,068.0	
5	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 05	10,141			10,141.0	
6	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 06	10,117			6,099.5	
7	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 07	9,006			1,419.9	
8	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 08	5,232				
9	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 09	5,325				
10	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 10	5,276				
11	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 11	12,941				
12	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 12	4,228				
13	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 13	4,300				
14	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 14	4,607				
15	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 15	2,407				
16	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 16	2,748			706.5	
17	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 17	3,296			627.0	
18	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 18	6,026				
19	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 19	4,836				
20	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 20	10,025				
21	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 21	10,092				
22	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 22	10,053				
23	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 23	10,132				

24	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 24	12,780				
25	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 25	28,820				
26	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 26	28,016				
27	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 27	24,929				
28	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 28	13,934				
29	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 29	5,180				
30	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 30	3,034				
31	Đất Nhà máy công nghiệp	CN - 31	2,966				
<b>II</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>HTKT</b>	<b>5,998</b>	<b>5,998</b>	<b>0</b>		
<b>III</b>	<b>Đất Giao thông</b>	<b>GT</b>	<b>65,039</b>	<b>37,692</b>	<b>9,106</b>	<b>18,053.9</b>	
1	Đất giao thông nội bộ		57,486			18,053.9	
2	Bãi đỗ xe P1	P1	1,340				
3	Bãi đỗ xe P2	P2	6,213				
<b>IV</b>	<b>Đất cây xanh, mặt nước</b>		<b>1,714</b>	<b>23,595</b>	<b>12,083</b>	<b>10,013.8</b>	
1	Đất cây xanh	CX-01					
2	Đất cây xanh	CX-02					
	Đất cây xanh	CX-03				1,869.6	
	Đất cây xanh	CX-04				8,144.2	
	Đất cây xanh	CX-05					
3	Đất cây xanh, mặt nước	MN	1,714				
<b>V</b>	<b>Đất hành chính - Dịch vụ</b>	<b>HCDV</b>	<b>4,161</b>	<b>0</b>	<b>5,843</b>		
<b>Tổng (I+II+III+IV+V)</b>			<b>480,232</b>	<b>286,081</b>	<b>46,931</b>	<b>76,358.6</b>	

Số: 704 /QĐ-UBND. Bắc Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh diện tích và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TTBKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Báo cáo thẩm định số 185/BC-SCT ngày 12/6/2025 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh diện tích và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên, như sau:

1. Lý do điều chỉnh: Hiện tại Dự án đã hoàn thành các thủ tục hành chính (quy hoạch chi tiết, đánh giá tác động môi trường, chuyển mục đích sử dụng đất trồng rừng...), đã bồi thường giải phóng mặt bằng được khoảng 39,83ha/48ha, được UBND tỉnh cho thuê đất khoảng 33,3 ha, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đối với phần diện tích đất được giao, đang thu hút các nhà đầu tư thứ cấp. Quá trình thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng gặp khó khăn, vướng mắc hiện còn khoảng 8,17ha chưa hoàn thành giải phóng mặt bằng trong đó có khoảng 6,64ha

(diện tích trông lấn vào diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Giang với diện tích là 21.540m<sup>2</sup> và Công ty TNHH MTV Thiện Hạnh 727m<sup>2</sup>, đất khu tâm linh của gia đình là 601m<sup>2</sup>, diện tích các hộ dân là 43.566m<sup>2</sup> cần thu hồi tuy nhiên không bố trí được khu tái định cư mới, tổng diện tích vướng mắc về giải phóng mặt bằng khoảng 66.434m<sup>2</sup>) mặc dù đã được chủ đầu tư, các sở, ngành, địa phương tập trung giải quyết (thời gian kéo dài khoảng 60 tháng) tuy nhiên không tháo gỡ được khó khăn, do đó việc điều chỉnh diện tích và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên là cần thiết.

2. Điều chỉnh diện tích và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên như sau:

### 2.1. Diện tích cụm công nghiệp

Điều chỉnh tổng diện tích của cụm công nghiệp Lãng Cao tại Quyết định thành lập số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh từ 48ha thành 41,38 ha (điều chỉnh giảm).

### 2.2. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý IV/2020 đến hết quý III/2025: Thực hiện thủ tục pháp lý; bồi thường giải phóng mặt bằng; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, trạm xử lý nước thải tập trung; thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

- Quý IV/2025 đến hết quý III/2026: Hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng; hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án, tiếp tục thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

3. Các nội dung khác thực hiện theo theo các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 về việc thành lập cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên; số 1193/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên; số 34/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên.

**Điều 2.** Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Lãng Cao (Công ty CP đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên; mã số thuế doanh nghiệp: 2400608075) có trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết triển khai; đảm bảo kinh phí và các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật; thu hút đầu tư theo đúng tiến độ, ngành nghề đã được phê duyệt và các quy định hiện hành.

Sở Công Thương, UBND huyện Tân Yên, cơ quan liên quan có trách nhiệm đôn đốc, hỗ trợ chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án, quản lý các hoạt động của cụm công nghiệp theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thuế khu vực VI; UBND huyện Tân Yên, UBND các xã: Cáo Xá, Ngọc Lý; Công ty CP đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTHH, KTN;
  - + Lưu: VT, KTHH.Binh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Thịnh**

Số: 34 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng  
hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Báo cáo thẩm định số 03/BC-SCT ngày 03/01/2024; ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, như sau:

1. Lý do điều chỉnh: Quá trình triển khai thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Hiện nay chủ đầu tư mới được cơ quan có thẩm quyền cho thuê đất với diện tích 33,57ha/48ha, còn 14,43 ha chưa được giao đất, cho thuê đất do khó khăn trong công tác xác định nguồn gốc sử dụng đất, một số người dân chưa đồng thuận với đơn giá bồi thường; đất đang có tranh chấp... Do đó, việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên là phù hợp.

## 2. Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, như sau:

- Quý IV/2020 đến hết quý IV/2024: Thực hiện thủ tục pháp lý; hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng, hoàn thành hạ tầng thiết yếu (đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung,...), thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

- Quý I/2025 đến hết quý II/2025: Hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án, tiếp tục thu hút các nhà đầu tư thứ cấp, lấp đầy 100% diện tích cụm công nghiệp.

3. Các nội dung khác thực hiện theo các Quyết định của UBND tỉnh số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 về việc thành lập cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; số 1193/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên.

**Điều 2.** Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Lãng Cao (Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên) có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai, tổ chức đầu tư, xây dựng theo đúng tiến độ đã được phê duyệt và các quy định hiện hành.

Sở Công Thương, UBND huyện Tân Yên, cơ quan liên quan có trách nhiệm đôn đốc, hỗ trợ chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án, quản lý các hoạt động của cụm công nghiệp theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh; UBND huyện Tân Yên, UBND các xã: Cao Xá, Ngọc Lý; Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên (Công ty CP đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên) và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
  - + Lưu: VT, KTTH.Binh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Thế Tuấn**

Số: 1193 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 25 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Báo cáo thẩm định số 298/BC-SCT ngày 17/11/2022 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên như sau:

**1. Lý do điều chỉnh**

Dự án chậm tiến độ do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn như: Chậm việc xác định phương án thu hồi 31,17ha đất đã giải phóng mặt bằng trước đây, việc xác định nguồn gốc đất để quy chủ gặp khó khăn, một số hộ dân chưa đồng thuận với đơn giá bồi thường; phải điều chỉnh, dịch chuyển đường dây 110kV Tân Yên - Yên Thế chạy qua khu vực dự án... vì vậy, việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên là cần thiết để Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên có điều kiện tiếp tục thực hiện dự án.

**2. Nội dung điều chỉnh:**

Điều chỉnh khoản 9 Điều 1 Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh như sau:

**“9. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Từ năm 2020 - 31/3/2023: Thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, môi trường, đất đai; hoàn thành giải phóng mặt bằng, khởi công xây dựng hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp, đưa trạm xử lý nước thải tập trung vào hoạt động, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp;

- Từ 01/4/2023 - 31/12/2023: Hoàn thành đồng bộ hạ tầng, thu hút đầu tư lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp.”

3. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Lăng Cao (Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên) có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai, tổ chức đầu tư, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp theo đúng tiến độ, ngành nghề đã được phê duyệt và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh; UBND huyện Tân Yên; UBND xã Cao Xá, UBND xã Ngọc Lý; Công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
  - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Thế Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1133 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Cụm công nghiệp Lãng Cao,  
huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh giai đoạn, bổ sung quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Công văn số 69-CV/TU ngày 04/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc cho ý kiến chủ trương thành lập 02 cụm công nghiệp: Tiên Hưng, huyện Lục Nam và Lãng Cao, huyện Tân Yên;*

*Theo đề nghị của Sở Công thương tại Tờ trình số 68/TTr-SCT ngày 12/11/2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Lãng Cao
2. Địa điểm: Xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
3. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp và Thương mại Dịch vụ Tân Yên.
4. Quy mô, vị trí:
  - Quy mô: 48 ha.
  - Vị trí: Cụm công nghiệp Lãng Cao thuộc xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, ranh giới cụ thể như sau:
    - + Phía Bắc: giáp đường từ đường tỉnh 298 vào làng.

- + Phía Nam: giáp ngòi nước.
- + Phía Đông: giáp đường tỉnh 298 và Công ty Cổ phần gạch Ngọc Lý.
- + Phía Tây: giáp khu dân cư và khu nuôi trồng thủy sản của nhân dân.

5. Hiện trạng sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp	31,16	64,9
2	Đất nhà ở dân cư (05 hộ)	0,05	0,1
3	Đất vườn cây, ao cá	10,89	22,7
4	Đất hạ tầng	0,4	0,8
5	Đất rừng sản xuất	5,5	11,5
<b>Tổng</b>		<b>48</b>	<b>100</b>

6. Dự kiến cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Tỷ lệ theo QCVN 01:2019/BXD (%)	Tỷ lệ dự kiến (%)	Quy mô (ha)
1	Đất công nghiệp	-	74	35,52
2	Đất công cộng, hành chính	-	2	0,96
3	Đất các khu kỹ thuật	≥1	2	0,96
4	Đất giao thông	≥10	10	4,8
5	Đất cây xanh, mặt nước	≥10	12	5,76
<b>Tổng</b>			<b>100</b>	<b>48</b>

7. Các ngành nghề hoạt động chính: cơ khí chế tạo; may mặc; thiết bị, linh kiện điện, điện tử; mạ điện; phối trộn hóa chất làm nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác; sản xuất sản phẩm từ plastic; sản xuất sản phẩm kim loại khác chưa được phân vào đâu; các ngành công nghiệp phụ trợ.

8. Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Tổng mức đầu tư khoảng: 347.650.000.000 đồng (Ba trăm bốn bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng).

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn của chủ đầu tư và vốn huy động hợp pháp khác.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2020-2021: Thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, môi trường, đất đai, xây dựng hạ tầng trong đó có Trạm xử lý nước thải;

- Năm 2022: Hoàn thành đồng bộ hạ tầng, thu hút đầu tư lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp.

10. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.

11. Các ưu đãi, hỗ trợ: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 2.** Cụm công nghiệp Lãng Cao được thành lập và hoạt động theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Lãng Cao (Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp và Thương mại Dịch vụ Tân Yên) có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai, tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp theo đúng tiến độ được duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Sở Công Thương, UBND huyện Tân Yên có trách nhiệm quản lý hoạt động của Cụm công nghiệp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên, UBND xã Cao Xá, UBND xã Ngọc Lý, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp và Thương mại Dịch vụ Tân Yên và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TTTU, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TKCT, TH, TPCNN,
  - + Chuyên viên: CN, XD, GT, TN, MT.
  - + Lưu: VT, NamĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Dương Văn Thái

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian  
Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 57/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị quyết tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định về biện pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 2. Quy định về biện pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã**

1. Căn cứ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt trước thời điểm 01 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp để thực hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương mà không bị ràng buộc bởi các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm (2021 - 2025).

2. Cơ quan, người có thẩm quyền căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 3. Xử lý trường hợp sử dụng đất có sự mâu thuẫn giữa các quy hoạch hoặc chưa phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt**

1. Trường hợp khi thực hiện dự án đã được xác định trong quy hoạch ngành quốc gia, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn mà có mâu thuẫn chồng chéo với các quy hoạch ngành khác thì cơ quan, người có thẩm quyền căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trường hợp phải thu hồi đất để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nhưng chưa có trong quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất. Trên cơ sở thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất không thống nhất thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Đối với những dự án đã được chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật về đầu tư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành mà phải thu hồi đất quốc phòng, đất an ninh, tài sản gắn liền với đất để chuyển giao cho địa phương thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhưng diện tích đất dự kiến thu hồi chưa được xác định trong quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh là đất chuyển giao cho địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thu hồi lấy ý kiến Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với đất quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đối với đất an ninh. Trên cơ sở thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an không thống nhất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thu hồi chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đảm bảo có trong quy hoạch sử dụng đất được duyệt trước ngày 01 tháng 8 năm 2024.

4. Trường hợp phải thu hồi đất quốc phòng, đất an ninh, tài sản gắn liền với đất để chuyển giao cho địa phương thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhưng diện tích đất dự kiến thu hồi chưa được xác định trong quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh là đất chuyển giao cho địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thu hồi, lấy ý kiến của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với đất quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đối với đất an ninh. Trên cơ sở thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an không thống nhất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

5. Diện tích đất thuộc các dự án quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sau khi thu hồi phải được cập nhật khi rà soát, điều chỉnh các quy hoạch theo quy định pháp luật.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:**

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình cấp có thẩm quyền quyết định, phù hợp với đơn vị hành chính mới sau sắp xếp, sáp nhập;

b) Hướng dẫn thi hành Nghị quyết này đối với một số vấn đề liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh (nếu có).

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham mưu Chính phủ rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 60, Điều 80, Điều 84 và các nội dung có liên quan của Luật Đất đai, khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch, điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư và các nội dung có liên quan của Luật Đầu tư để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này;

b) Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các dự án bảo đảm kịp thời, đúng quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan chủ động rà soát, xác định, cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng đất của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới của địa phương trong tình hình mới phục vụ công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đảm bảo không gian phát triển.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có hiệu lực thi hành sau ngày Nghị quyết này được thông qua, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt và trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng được ban hành trong Nghị quyết này chấm dứt hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trần Hồng Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1282 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất  
đến năm 2030 huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày  
24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên  
quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định  
số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ  
sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh  
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của UBND huyện Tân Yên tại Tờ trình số 366/TTr-UBND  
ngày 05/12/2022; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 848/TTr-STNMT  
ngày 15/12/2022;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện  
Tân Yên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo  
các biểu trong Phụ lục kèm theo gồm: Diện tích, cơ cấu các loại đất; diện tích  
chuyển mục đích sử dụng đất; diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được  
xác định theo bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tỷ lệ  
1/25.000, Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến  
năm 2030 huyện Tân Yên. (Hồ sơ sản phẩm quy hoạch kèm theo Quyết định này  
lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Tân Yên).

**Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, phù hợp quy định pháp luật đối với các nội dung thẩm định, trình UBND tỉnh nêu trên; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở toàn bộ hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch đã được phê duyệt; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện đảm bảo nguyên tắc kịp thời, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật; định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Tân Yên theo quy định.

2. UBND huyện Tân Yên:

2.1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Yên;

2.2 Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện toàn bộ hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật;

2.3. Thực hiện quản lý đất đai, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

2.4. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp xã;

2.5. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

**Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tân Yên và các xã, thị trấn thuộc huyện Tân Yên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (lưu HS);
- Huyện ủy, HĐND huyện Tân Yên;
- VP UBND tỉnh;
  - + LĐVP, TKCT;
  - + TH, KTN, KTTH, NC, BTCĐ, VX;
  - + Trung tâm thông tin (đăng tải);
- Lưu VT, TNSN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

  
Lê Ô Pích

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TÂN YÊN

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã Loại đất	Diện tích (ha)			Năm thực hiện	Địa điểm	Vị trí STT trên bản đồ	Ghi chú
			Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm				
21	Cụm công nghiệp Lãng Cao	SKN	48.00		48.00	2021-2025	Xã Cao Xá, Ngọc Lý	41	Chuyển tiếp

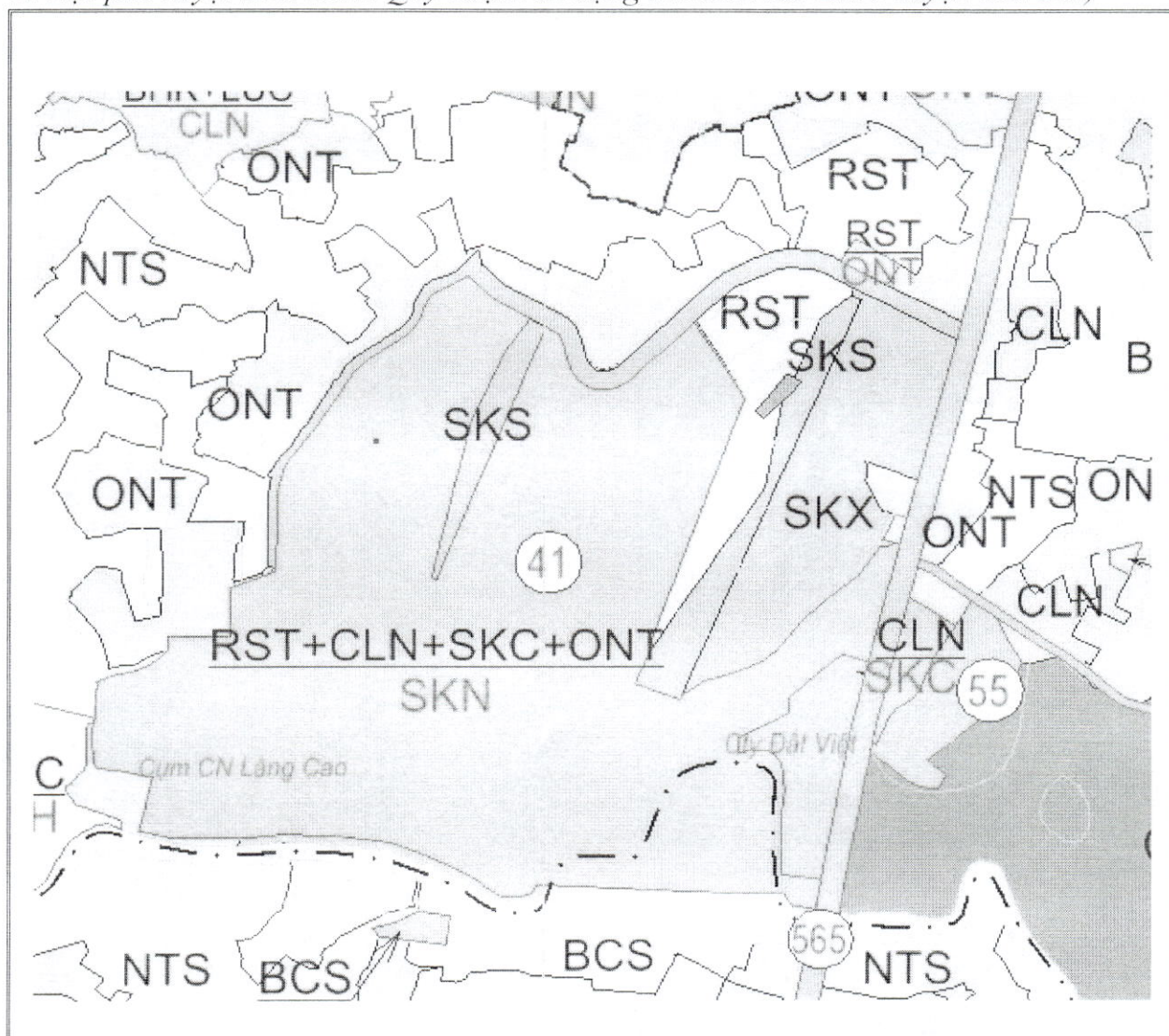
## TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN TÂN YÊN ĐẾN NĂM 2030

- Hạng mục công trình, dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (nay là xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh).

- Địa điểm: xã Cao Xá, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên (nay là xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh).

- Vị trí trên bản đồ: 41

(Theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Yên)



Người trích lục

Ngô Thị Thơm

PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN YÊN  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thị Ngân

Số: 484 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025**  
**huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về “Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030”;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Tân Yên tại Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 16/4/2025 và hồ sơ kèm theo; Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 216/TTr-SNNMT ngày 23/4/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tân Yên, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Chỉ tiêu sử dụng đất được thể hiện trong các Phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục 01. Phân bổ diện tích các loại đất năm 2025; Phụ lục 02. Kế hoạch thu hồi đất năm 2025; Phụ lục 03. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025; Phụ lục 04. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ Kế hoạch sử dụng đất, Bản đồ các khu vực chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/25.000.

**Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức****1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:**

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo phù hợp quy định pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định này thực hiện đăng tải toàn bộ hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Sở; Lưu trữ đầy đủ hồ sơ kế hoạch sử dụng đất (bao gồm thuyết minh báo cáo, hệ thống bản đồ, hồ sơ thẩm định);

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; đảm bảo nguyên tắc kịp thời, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

**2. UBND huyện Tân Yên:**

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tân Yên; chịu trách nhiệm về sự phù hợp của số liệu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện và sự phù hợp với các quy định của pháp luật khi đề xuất danh mục các công trình, dự án;

b) Hoàn thành việc đăng tải toàn bộ hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tân Yên đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này, đồng thời tổ chức công bố, công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tân Yên theo quy định;

c) Thực hiện công tác quản lý đất đai, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; triển khai thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất đảm bảo theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND cấp xã;

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của Luật Đất đai.

**3. Các Sở, Ngành, Cơ quan trực thuộc UBND tỉnh:**

Chịu trách nhiệm về các nội dung thuộc lĩnh vực do ngành quản lý khi tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện các công trình, dự án có sử dụng đất đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trực thuộc huyện Tân Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (lưu hồ sơ);
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tân Yên;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN, Trung tâm thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, TPKTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Thịnh**

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 CỦA HUYỆN TÂN YÊN (DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT)

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất	Văn bản pháp lý có liên quan đến dự án	
					Tổng diện tích	Sử dụng vào diện tích từng loại đất							
						LUA	RPH	RDD	RSX				Các loại đất còn lại
82	Cụm Công nghiệp Lãng Cao (tổng quy mô là 48 ha, đã CMD, giao đất 28.6 ha)	48.00	48.00	28.60	19.40				11.24	8.16	Xã Cao Xá, Ngọc Lý	056	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Giang

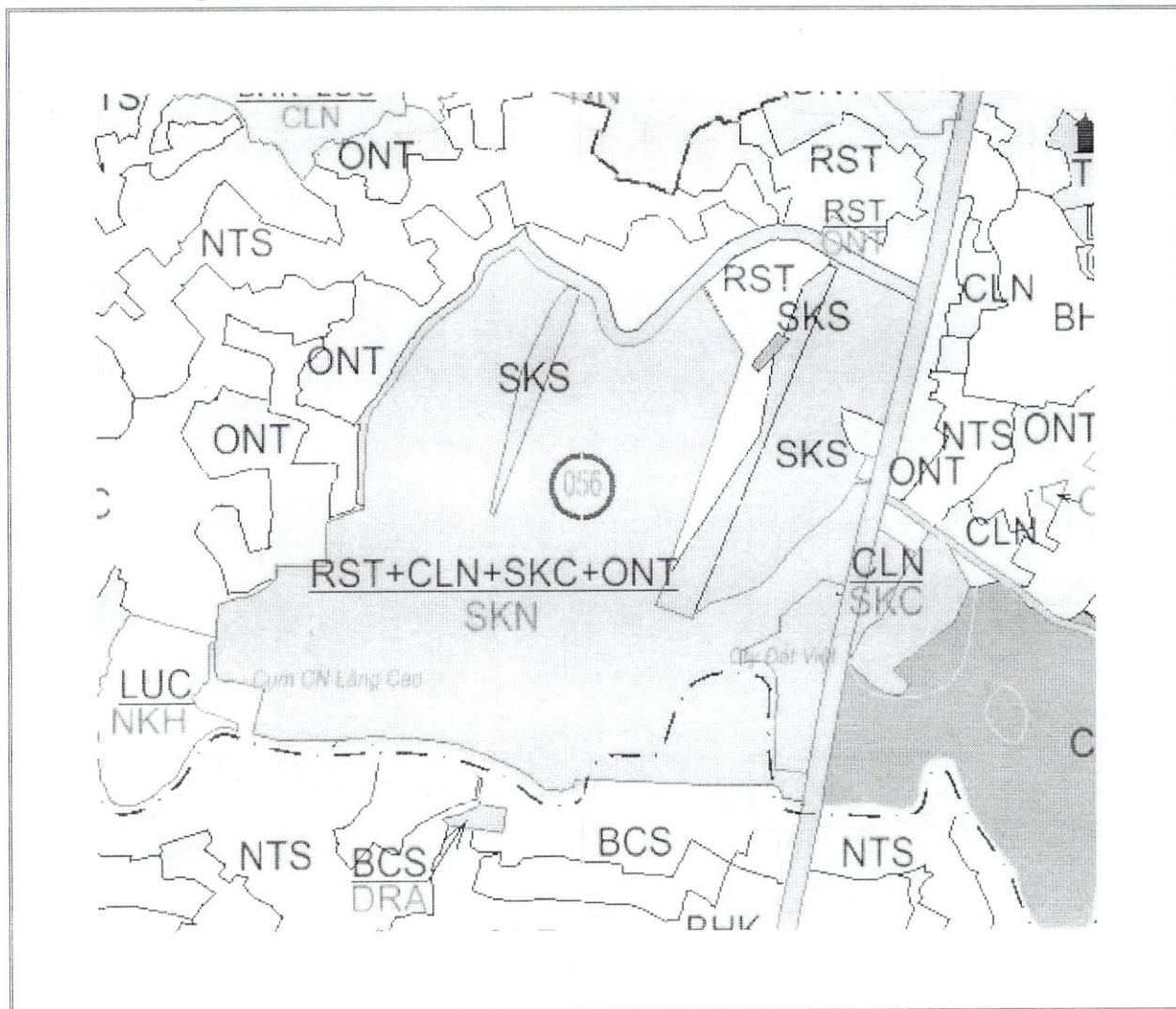
## TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN TÂN YÊN

- Hạng mục công trình, dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (nay là xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh).

- Địa điểm: xã Cao Xá, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên (nay là xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh).

- Vị trí trên bản đồ: 056

(Theo Quyết định số số 484/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tân Yên).



PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN YÊN  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người trích lục

Ngô Thị Thơm

Phạm Thị Ngân

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2025

## **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phục vụ  
mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 26**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật  
Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng, ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc  
hội khóa 15 về "Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp  
luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh  
tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030";*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo  
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để  
phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

- Tổng số 757 dự án, tổng diện tích đất phải thu hồi là 5.078,33 ha, trong đó:
- Công trình, dự án chuyển tiếp từ các nghị quyết đã được HĐND tỉnh  
thông qua: 684 dự án, tổng diện tích đất 3.217,88 ha;
  - Công trình, dự án đăng ký mới: 73 dự án, tổng diện tích đất 1.860,45 ha.

*(Chi tiết tại Biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất có tên trong các Nghị  
quyết của HĐND tỉnh: số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022; số 39/NQ-HĐND ngày  
09/12/2022; số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023; số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023;  
số 57/NQ-HĐND ngày 12/9/2023; số 76/NQ-HĐND ngày 13/12/2023; số 04/NQ-

HĐND ngày 01/2/2024; số 53/NQ-HĐND ngày 22/8/2024 hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này được thông qua.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 26 thông qua. /

*Nơi nhận:*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- UB MFTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Thành ủy, Thị ủy, HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



**CHỦ TỊCH**

*Hương*  
**Nguyễn Thị Hương**

**Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 về Thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Stt	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm		Diện tích thu hồi đất (ha)	Các văn bản pháp lý hoặc văn bản có liên quan đến dự án
		Cấp huyện	Cấp xã		
	<b>TỔNG</b>			<b>5,078.33</b>	
435	Cụm Công nghiệp Lãng Cao (tổng quy mô là 48 ha, đã CMD, giao đất 28,6 ha)	Tân Yên	Cao Xá, Ngọc Lý	19.39	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập CCN

Số: 95 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng cho Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao” (đợt 2)

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Yên; số 473/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tân Yên;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên tại Đơn đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ngày 29/12/2023; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 28/TTr-SNN ngày 22/01/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao”, như sau:

1. Vị trí, địa điểm khu rừng chuyển mục đích sử dụng: Thuộc khoảnh 1, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng đợt 2 là 3,59 ha, được HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05/4/2023.

*(Chi tiết theo toạ độ và bản đồ chuyển MĐSD rừng đợt 2 kèm theo)*

3. Loại rừng: Rừng sản xuất là rừng trồng.

4. Chủ quản lý, sử dụng: Được giao cho UBND xã và hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chủ rừng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thẩm định, trình UBND tỉnh nêu trên; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thống kê và theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp hàng năm theo đúng quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên thực hiện trình tự, thủ tục về đất đai và môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

3. UBND huyện Tân Yên: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với dự án trên theo đúng diện tích, ranh giới, vị trí được duyệt đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp; cập nhật diện tích, hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp đối với diện tích đã chuyển mục đích sử dụng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai.

4. Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên (Chủ đầu tư dự án) và chủ rừng: Có trách nhiệm tuân thủ các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về lâm nghiệp; không tự ý chuyển mục đích sử dụng rừng đối với diện tích chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ về đầu tư, đất đai, xây dựng và môi trường theo đúng quy định.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Tân Yên; Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TN, KTN, TKCT;
- + Lưu: VT, NN Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

**BẢN SAO**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng  
sang mục đích khác**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP  
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng 190,45 ha rừng  
sang mục đích khác để thực hiện 30 dự án (Có biểu tổng hợp danh mục và phụ  
lục chi tiết từng dự án kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX,  
Kỳ họp thứ 10 thông qua./.

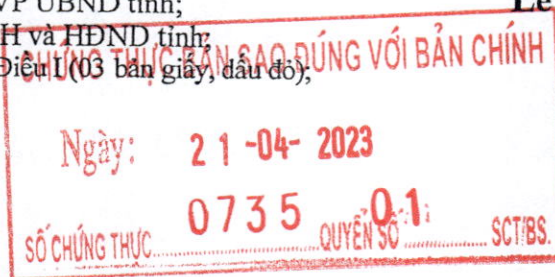
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ đầu tư 30 dự án tại Điều 1 (03 bản giấy, dấu đỏ);
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Thu Hồng**



**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN TẤT THẮNG**

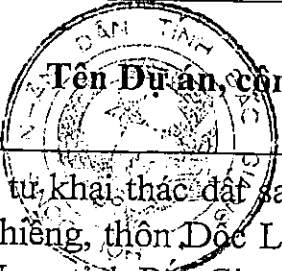
**BIỂU TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh)*



TT	Tên Dự án, công trình	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích chuyển MĐSDR (ha)	Ghi chú
(1)		(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>Tổng cộng (30 dự án)</b>		<b>287,85</b>	<b>190,45</b>	
1	Dự án “Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn- Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	5,00	3,90	Trúng đấu giá quyền khai thác KS
2	Dự án “Đầu tư khai thác đất san lấp tại khu I, thôn Khuôn Giàn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	5,00	5,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
3	Dự án “Khai thác đất san lấp tại khu hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	7,20	4,80	Không đấu giá quyền khai thác KS
4	Dự án “Đầu tư khai thác đất san lấp tại khu II, thôn Khuôn Giàn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	10,00	9,10	Không đấu giá quyền khai thác KS
5	Dự án “Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực đồi Hồ Chùa (Hồ Ngái), thôn Cây, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	7,00	7,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
6	Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác đất san lấp tại khu vực đồi Hồ Mốc, thôn Hường 8, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn- Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	7,00	5,80	Trúng đấu giá quyền khai thác KS

TT	Tên Dự án, công trình	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích chuyên MĐSDR (ha)	Ghi chú
7	Dự án “Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	5,00	5,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
8	Dự án “Đầu tư khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Đồi Cộng, thôn Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	9,00	9,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
9	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ xuất khẩu” tại thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” của Công ty TNHH AVP Việt Nam	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	5,62	4,18	Dự án SX kinh doanh
10	Dự án “Nhà máy sản xuất gỗ xuất khẩu” tại thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	5,38	4,87	Dự án SX kinh doanh
11	Dự án “Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu III, khu vực thôn Khuôn Giàn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”	Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	5,00	5,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
12	Dự án “Khai thác khoáng sản (đất làm vật liệu san lấp) tại khu vực núi Yên Sơn, thôn Yên Hà và thôn Yên Sơn, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”	Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	9,00	8,90	Không đấu giá quyền khai thác KS
13	Dự án “Khai thác khoáng sản (đất làm vật liệu san lấp) tại khu vực núi Bê Tô, thôn Yên Hà, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”	Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	18,00	17,80	Không đấu giá quyền khai thác KS

TT	 <b>Tên Dự án công trình</b>	<b>Địa điểm thực hiện dự án</b>	<b>Tổng diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích chuyển MĐSDR (ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
14	Dự án “Đầu tư khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Hang Chiềng, thôn Dộc Linh, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	10,00	10,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
15	Dự án “Khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực đồi Năm Hoàng, thôn Bãi Cả, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”	Xã Bình Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	10,00	7,63	Không đấu giá quyền khai thác KS
16	Dự án “Đầu tư khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực đồi Dương Sơn, thôn Dương Sơn, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”	Xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	5,00	5,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
17	Dự án “Đầu tư khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực thôn Cảnh, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang”	Xã Nam Dương- Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	5,00	5,00	Trúng đấu giá quyền khai thác KS
18	Dự án “Đầu tư khai thác khoáng sản (đất làm vật liệu san lấp) tại khu vực núi Ké, thôn Ké, xã Quảng Minh và núi Nội Ninh, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang”	Xã Quảng Minh và xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên	7,50	7,50	Không đấu giá quyền khai thác KS
19	Dự án “Đầu tư khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực núi Trúc Tay, thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang”	Xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	15,00	14,80	Không đấu giá quyền khai thác KS

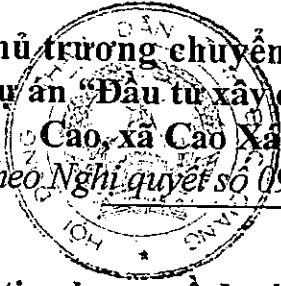
TT	Tên Dự án, công trình	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích chuyển MĐSDR (ha)	Ghi chú
20	Dự án “Khai thác khoáng sản cát đồi tại Mỏ đá cát kết thôn Tuấn An, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”	Xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	5,00	5,00	Không đấu giá quyền khai thác KS
21	Dự án “Khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Núi Tiêu, thôn Hương, xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”	Xã Liên Chung-Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	6,00	6,00	Trúng đấu giá quyền khai thác KS
22	Dự án “Xây dựng hầm hạp và CSHT khu căn cứ chiến đấu huyện Tân Yên”	Xã Phúc Hòa, Liên Sơn, huyện Tân Yên	2,00	2,00	Dự án quân sự
23	Dự án “Khai thác khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực đồi Bờ Ngo, thôn Lý, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	2,50	2,50	Không đấu giá quyền khai thác KS
24	Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao”	Xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	48,00	5,3713	Dự án xây dựng CCN
25	Dự án “Xây dựng đường ĐH.5B và Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 398; Quốc lộ 17 tại địa bàn xã Yên Lư, xã Tiên Phong và thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”	Xã Yên Lư, Tiên Phong, TT Nham Biền, huyện Yên Dũng	1,23	1,23	Dự án xây dựng đường giao thông
26	Dự án: Công trình căn cứ chiến đấu huyện Yên Dũng	Xã Tân Liễu và TT Nham Biền, huyện Yên Dũng	5,00	2,79	Dự án quân sự

TT	Tên Dự án, công trình	Địa điểm thực hiện dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích chuyển MĐSDR (ha)	Ghi chú
27	Dự án “Trại chăn nuôi gia cầm Đồng Vương” tại bản La Xa, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	1,91	0,05143	Dự án SX kinh doanh
28	Dự án “Đầu tư khai thác khoáng sản (đất làm vật liệu san lấp) tại khu vực thôn Ao Gáo, thôn Trại Vành, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	20,00	17,50	Không đấu giá quyền khai thác KS
29	Dự án “Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL.31 - QL.1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thần trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang”	Huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	43,22	6,3671	Dự án giao thông
30	Dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Bắc Giang”	Huyện Lục Nam và huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	2,2967	1,36045	Dự án thủy lợi

**PHỤ LỤC XXIV**

**Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”**

*(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh)*

**1. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang”.

- Chủ đầu tư: Công ty CP đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên.

Quy mô đầu tư: Diện tích đất sử dụng của dự án là 48,0 ha. Diện tích đất rừng sản xuất: 10,8713 ha (trong đó đã có nghị quyết chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đợt 1 là 5,5 ha), chuyển mục đích sử dụng rừng bổ sung: 5,3713 ha.

**2. Sự cần thiết đầu tư dự án**

Tình trạng các cơ sở sản xuất công nghiệp - TTCN trong các khu dân cư, tại các làng nghề các hộ sử dụng nhà ở của mình để làm nơi sản xuất; ngoài việc gây ô nhiễm môi trường, do đó làm ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng dẫn đến hạn chế sự phát triển kinh tế của từng cơ sở nói riêng và chung cho kinh tế của huyện sẽ cần được di dời vào các cụm công nghiệp là chủ trương hết sức đúng đắn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và quy hoạch xây dựng chung của huyện Tân Yên.

Do đó, việc thành lập Cụm công nghiệp Lãng Cao là chủ trương đúng đắn phù hợp với quy hoạch chung và đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp của huyện Tân Yên trong thời gian tới là rất cần thiết.

**3. Vị trí, diện tích, hiện trạng rừng khu vực thực hiện dự án**

- Diện tích đất rừng chuyển mục đích sử dụng: 5,3713 ha (thuộc khoảnh 1, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang).

- Loại rừng: Rừng sản xuất.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng.

- Loài cây trồng: Bạch đàn, Keo.

- Chủ quản lý (sở hữu): Thuộc các tổ chức, hộ gia đình được giao đất sử dụng ổn định, lâu dài theo quy định của pháp luật.

- Hiện trạng rừng khu vực thực hiện dự án: Chủ yếu là đất trồng, cây bụi.

**SỞ NN& PTNT TỈNH BẮC GIANG  
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

Số: 49 /QBVPTR-BĐH

V/v thông báo hoàn thành nghĩa vụ nộp  
tiền trồng rừng thay thế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 21 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên

Thực hiện Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên; theo nội dung Quyết định Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên phải thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế bằng hình thức nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang với số tiền **424.908.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng chẵn). Thời gian nộp tiền xong trước ngày **15/7/2021**.

Ngày 19/7/2021 Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang nhận được lệnh chuyển có của Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên với số tiền đã nộp là **424.908.000** về tài khoản của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang, mã tài khoản: 3761.0.1130123.91029 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang được giao tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế thông báo Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên đã hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang tỉnh Bắc Giang./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng Quản lý Quỹ (đề b/c);
- Ban Kiểm Soát, Ban Điều hành;
- Hạt Kiểm lâm Tân Việt Hòa;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trương Đức Đáng**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 242 /HĐND-CTHĐND

Bắc Giang, ngày 02 tháng 6 năm 2021

V/v quyết định chủ chương chuyển  
mục đích sử dụng rừng sang mục đích  
khác để thực hiện dự án “Đầu tư xây  
dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại  
Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân  
Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty Cổ  
phần Đầu tư công nghiệp và Thương  
mại dịch vụ Tân Yên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

UBND tỉnh có Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 17/5/2021 xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh về việc quyết định chủ chương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp và Thương mại dịch vụ Tân Yên.

Sau khi nghe báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý kiến thảo luận của các Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh tại Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 5/2021,

Thường trực HĐND tỉnh quyết định chủ chương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp và Thương mại dịch vụ Tân Yên với các nội dung sau:

**1. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao”.
- Chủ đầu tư: Công ty CP đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên.
- + Mã số doanh nghiệp: 2400608075, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 04/6/2012; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01/4/2021.
- + Trụ sở chính: Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Địa điểm thực hiện dự án: Khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Quy mô đầu tư: Diện tích đất sử dụng của dự án là 48,0 ha; trong đó diện tích đất rừng là 5,5 ha.

**2. Sự cần thiết đầu tư dự án**

Việc thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao sẽ tạo ra cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp vào địa bàn huyện Tân Yên đồng thời giải quyết di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công

nghiệp trong các khu dân cư vào cụm công nghiệp; qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn huyện và tỉnh.


### 3. Vị trí, diện tích, hiện trạng rừng khu vực thực hiện dự án

- Diện tích đất rừng chuyển mục đích sử dụng: 5,5 ha, thuộc khoảnh 1, xã Cao Xá, huyện Tân Yên.

- Chủ quản lý (sở hữu): Thuộc các tổ chức, hộ gia đình được giao đất sử dụng ổn định, lâu dài theo quy định của pháp luật.

- Quy hoạch 3 loại rừng: Theo Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang, diện tích đất rừng của dự án chuyển mục đích sử dụng rừng đã được quy hoạch ra ngoài 3 loại rừng.

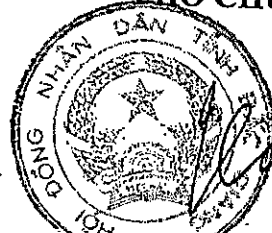
- Hiện trạng rừng khu vực thực hiện dự án: Diện tích đất rừng 5,5ha, trong đó: diện tích có rừng trồng 1,57ha (diện tích rừng trồng đã thành rừng: 0,54 ha; diện tích rừng trồng chưa thành rừng: 1,03 ha); diện tích chưa có rừng: 3,93ha; trữ lượng rừng 18,65m<sup>3</sup>; loài cây trồng: Bạch đàn. Diện tích đất rừng trồng sản xuất quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 5,5ha.

Thường trực HĐND tỉnh thông báo để UBND tỉnh tổ chức thực hiện. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Công ty CP Đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND<sub>YEND</sub>.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



  
Lâm Thị Hương Thành

HẠT KIỂM LÂM LIÊN PHƯỜNG,  
XÃ TÂN VIỆT HÒA  
ĐOÀN KIỂM TRA CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC  
THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH  
SỐ 46/QĐ-HKL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Yên..., ngày 10 tháng 12 năm 2025

Số 04/BB-KT

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

Về việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các dự án  
chuyển mục đích sử dụng đất sang mục đích khác

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2025, hồi 8 giờ 00. Tại: Khu vực Công  
nghệ Lạc Các, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, N.Đ.

**1. Chúng tôi gồm:**

- Ông Đào Văn Thịnh, chức vụ: Phó Hạt trưởng - Trưởng đoàn đơn vị: Hạt Kiểm lâm liên phường, xã Tân - Việt - Hòa
- Ông...Đào Xuân Thao, chức vụ: Kiểm lâm viên- Phó trưởng đoàn, đơn vị: Hạt Kiểm lâm liên phường, xã Tân - Việt - Hòa
- Ông...Nguyễn Tuấn Hiền,, chức vụ: Kiểm lâm viên đơn vị: Hạt Kiểm lâm liên phường, xã Tân - Việt - Hòa.
- Ông...Đường Văn Chí....., chức vụ: Tổ trưởng Tổ an ninh....., đơn vị: Công an xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh
- Ông...Đường Thị Thuý....., chức vụ: Cán bộ....., đơn vị: Công an xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh
- Ông bà...Phạm Thị Ngân....., chức vụ: Chuyên viên phòng KT....., đơn vị: xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh
- Ông....., chức vụ: .....
- đơn vị: .....

**2. Tiến hành kiểm tra:**

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất sang mục đích khác đối với Công Ty Cổ phần
- Địa chỉ: đầu tư công nghệ và TM DV Tân Yên nghề nghiệp; số bà Nguyễn Thị Bích Thủy làm đại diện
- Giấy đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp số...; ngày cấp: .....
- Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân số: .....
- ngày cấp: ..... nơi cấp: .....
- .....(đối với cá nhân).

**3. Người chứng kiến (nếu có):**

- Họ và tên .....
- Địa chỉ: .....
- Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân số: .....
- ngày cấp: .....; nơi cấp: .....



#### 4. Nội dung kiểm tra:

Thực hiện kế hoạch số 06/KH-HKL của Hạt Kiểm lâm liên phường, xã Tân - Việt - Hòa về Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các dự án chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025.

Tại thời điểm kiểm tra: Bà Nồng thị Bích Thủy đã quy cấp cho Đoàn kiểm tra các hồ sơ, giấy tờ có liên quan việc thực hiện mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Nội dung:

##### 1. Hồ sơ kèm theo gồm có:

- Các quyết định của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tâm Yên: (Quyết định chuyển MP...)
- Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 14/6/2023; Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 30/01/2024;
- Văn bản số 242/UBND-CT ngày 02/6/2021; Nghị quyết số 09/NQ-UBND ngày 05/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (để thực hiện chế án đầu tư xây dựng Cụm CN Lạc Cao);
- Văn bản số 49/QĐ-V.P.T.R - B&H ngày 21/7/2021 của Ủy ban về và phát triển dự thảo báo cáo Công ty Cổ phần ATCN & TM DN Tâm Yên đề nghị tạm thời duy trì thay thế số tiền 424.908.000; 01 Phiếu ủy nhiệm chi của ngân hàng VP bank thể hiện Công ty đã nộp tiền Ngân hàng Đầu tư Công ty với số tiền 485.664.419 đồng theo quyết định số 278/UBND-NN ngày 15/9/2023 (ngày xác nhận 26/9/2023).

##### 2. Kiểm tra tại hiện trường:

- Đoàn kiểm tra ghi nhận DT của 2 đôt của Công ty xin chuyển đổi mục đích được UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) phê duyệt với diện tích 9,09 ha. được giới hạn tại các tọa độ, điểm được khép góc. Tại các điểm đều có cột mốc chôn cố định được làm bằng bê tông với kích thước vuông 20 cm được chôn xuống đất 40 cm. Có số đo định số thứ tự đã đăng và Cu thể:
- Vẽ bản DT được phê duyệt đôt 1: được giới hạn từ mốc số 1 đến mốc 29, mốc 35 giáp với đường dân sinh của thôn Ngạc Yên ngoài; từ mốc 01 đến mốc 20 nằm trong Cụm công nghiệp của Công ty sử dụng (giáp đường đôt 2 (Chợ Sắt))
  - Vẽ DT đôt 2 của Công ty được UBND tỉnh phê duyệt từ mốc 20 đến mốc 27, giáp đường dân sinh đôt của Công ty cổ phần Chàng Sơn Bắc Giang; từ mốc 27, 28, và mốc 01

giáp với đường dân sinh.

**3. Kết luận sau kiểm tra:**

Công ty Cổ phần đầu tư và TM DV Tâm Yên đã quy cấp cho đoàn kiểm tra đầy đủ hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang mục đích khác theo đúng kế hoạch số 06/KH-ĐDCL về chuyển đổi công ty thực hiện đúng quy định diện tích được UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) quyết định chuyển mục đích cho công ty tại Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24/6/2023 và Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 30/01/2024.



Việc kiểm tra kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 12 năm 2025, quá trình kiểm tra thực hiện theo đúng quy định, không làm hư hỏng, mất mát tài sản của tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận đúng, ký và ghi rõ họ tên vào biên bản. Biên bản lập thành ... bản, có giá trị pháp lý như nhau, giao cho cá nhân/tổ chức được kiểm tra một bản./

**CÁ NHÂN TỔ CHỨC ĐƯỢC KIỂM TRA**

**ĐẠI DIỆN TỔ KIỂM TRA**

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*  
Đỗ Văn Chính

Nông Thị Bích Thủy

ĐẠI DIỆN UBND xã Tâm Yên

ĐẠI DIỆN Công an xã Tâm Yên

*[Handwritten signature]*  
Phạm Thị Ngân

*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Văn Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 423 /QĐ-UBND

Tân Yên, ngày 27 tháng 06 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/500**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và Nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Số 27/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000);

Công văn số 166/SCT-QLNL ngày 3/3/2021 của Sở Công thương tỉnh Bắc Giang về kết quả giải quyết các vướng mắc liên quan đến dự án Đường dây và trạm biến áp 110kV Tân Yên;

Công văn số 63/UBND-KTTH ngày 4/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về kết quả giải quyết các vướng mắc liên quan đến dự án Đường dây và trạm biến áp 110kV Tân Yên;



Các Công văn số 139/STTTT-BCVT ngày 9/2/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông; Công văn số 541/PCBG-P4 ngày 5/2/2021 của Công ty Điện lực Bắc Giang; Công văn số 175/SGTVT-QLCL ngày 4/2/2021 của Sở Giao thông vận tải, Công văn số 105/SCT-QLNL ngày 5/2/2021 của Sở Công thương; Công văn số 242/SKHĐT-ĐT, TĐGSĐT ngày 8/2/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 211/SNN-QLXDCT ngày 8/2/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 497/TNMT-KHTC ngày 8/2/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến thẩm định đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh diện tích và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên;

Căn cứ Văn bản số 2407/SXD-QHKT ngày 25/6/2025 của Sở Xây dựng Bắc Giang về việc tham gia ý kiến đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Thông báo kết luận số 101/TB-UBND ngày 18/6/2025 của UBND huyện Tân Yên về việc thông báo Kết luận phiên họp UBND huyện ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Kết quả xin ý kiến thành viên UBND huyện tại Văn bản số 82/KTHT&ĐT ngày 12/6/2025; Báo cáo số 58/BC-VP ngày 16/6/2025 của Văn phòng HĐND&UBND huyện;

Căn cứ các thông báo về việc niêm yết công khai ngày 20/02/2025 tại UBND xã Cao Xá và UBND xã Ngọc Lý, biên bản xin ý kiến và các phiếu xin ý kiến ngày 28/03/2025, thông báo kết thúc niêm yết công khai ngày 01/04/2025 về việc xin ý kiến cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư, hộ dân có liên quan về nội dung điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết dự án Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Báo cáo số 39/2025-BC-CTTY ngày 25/6/2025 của Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên báo cáo giải trình Về nội dung điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ biên bản lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 ngày 16/4/2025;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp và Thương mại Dịch vụ Tân Yên tại Tờ trình số 38/TTr-ĐCQH ngày 22/6/2025 và phòng Kinh

tế, Hạ tầng và Đô thị tại kết quả thẩm định số 86/BC-KTHT&ĐT ngày 26/6/2025,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500) với những nội dung chính như sau:

### 1. Lý do điều chỉnh:

Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 2/04/2021 và phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 31/03/2023.

Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị công tác thực hiện dự án chủ đầu tư thấy có một số vị trí vướng mắc đất tâm linh, chồng lấn dự án, chồng lấn đất thổ cư... Do vậy việc lập điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 nhằm phù hợp với thực tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cải tạo cảnh quan, môi trường...

Việc điều chỉnh nội dung quy hoạch không ảnh hưởng lớn tới tính chất, chức năng, chỉ tiêu hạ tầng và các giải pháp quy hoạch chính của cụm công nghiệp, đảm bảo hiệu quả kinh tế xã hội của việc điều chỉnh. Việc điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với Chủ trương đầu tư điều chỉnh tại Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang; phù hợp với Điểm c, khoản 2, điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 20/11/2018

### 2. Nội dung điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng:

#### 2.1. Quy hoạch sử dụng đất

*\* Các nội dung điều chỉnh sử dụng đất chính:*

Điều chỉnh ranh giới quy hoạch từ 480.232 m<sup>2</sup> thành 413.798 m<sup>2</sup> trong đó điều chỉnh các vị trí ra khỏi ranh giới quy hoạch cụ thể như sau: phía Đông Bắc (vị trí DC-01) 601 m<sup>2</sup>; trung tâm phía Bắc (vị trí DC-02) 21.132 m<sup>2</sup>; phía Đông có 03 vị trí (vị trí DC-03 là 408 m<sup>2</sup>), (vị trí DC-04 là 814m<sup>2</sup>), (vị trí DC-05 là 727 m<sup>2</sup>); phía Tây Nam (vị trí DC-06) 42.752 m<sup>2</sup>.

Điều chỉnh đất nhà máy kho tàng (ký hiệu CN trên bản vẽ): đất nhà máy kho tàng trước điều chỉnh gồm 16 lô từ CN-01 đến CN-16 và có tổng diện tích là 324.624 m<sup>2</sup>, sau điều chỉnh đất nhà máy kho tàng được chia nhỏ diện tích hơn thành 31 lô từ CN-01 đến CN-31 và có tổng diện tích là 279.744 m<sup>2</sup>; Như vậy số lô đất CN tăng 15 lô nhưng tổng diện tích lại giảm 44.880 m<sup>2</sup>.

Điều chỉnh đất Hành chính - Dịch vụ (ký hiệu HCDV trên bản vẽ): điều chỉnh giảm tổng diện tích đất HCDV từ 6.017 m<sup>2</sup> trước điều chỉnh còn 4.161 m<sup>2</sup> sau điều chỉnh (giảm 1.856 m<sup>2</sup>)

Điều chỉnh đất cây xanh, mặt nước (ký hiệu CX; MN trên bản vẽ): điều chỉnh diện tích đất cây xanh CX-01, CX-02 từ 18.109 m<sup>2</sup> và 55.540 m<sup>2</sup> trước

điều chỉnh thành CX-01, CX-02, CX-03, CX-04, CX-05, CX-06 có diện tích lần lượt là 19.440 m<sup>2</sup>, 2.545 m<sup>2</sup>, 4.972 m<sup>2</sup>, 11.049 m<sup>2</sup>, 17.653 m<sup>2</sup>, 1.481 m<sup>2</sup>; diện tích đất mặt nước (MN) giữ nguyên không thay đổi. Tổng diện tích đất cây xanh mặt nước giảm từ 75.696 m<sup>2</sup> còn 58.854 m<sup>2</sup> (giảm 16.842 m<sup>2</sup>).

Điều chỉnh đất giao thông, bãi đỗ xe (bao gồm đất giao thông nội bộ và bãi đỗ xe (P)): điều chỉnh giảm đất bãi đỗ xe P1 từ 2.173 m<sup>2</sup> còn 1.340 m<sup>2</sup>; đất bãi đỗ xe P2 giảm từ 7.149 m<sup>2</sup> còn 6.213 m<sup>2</sup>; điều chỉnh đất giao thông nội bộ từ 58.575 m<sup>2</sup> giảm còn 57.488 m<sup>2</sup>. Tổng diện tích đất giao thông giảm từ 67.897 m<sup>2</sup> còn 65.041 m<sup>2</sup> (giảm 2.856 m<sup>2</sup>).

**Bảng cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh như sau:**

<b>BẢNG CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH</b>						
STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO	TỶ LỆ (%)
	<b>Ranh giới thực hiện quy hoạch</b>		<b>413.798</b>			<b>100,0</b>
<b>I</b>	<b>Đất Nhà máy, kho tàng</b>		<b>279.744</b>	<b>70</b>	<b>1--3</b>	<b>67,60</b>
1	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.01	5.034	70	1--3	1,22
2	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.02	6.894	70	1--3	1,67
3	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.03	9.301	70	1--3	2,25
4	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.04	8.068	70	1--3	1,95
5	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.05	10.141	70	1--3	2,45
6	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.06	10.117	70	1--3	2,44
7	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.07	9.006	70	1--3	2,18
8	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.08	5.232	70	1--3	1,26
9	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.09	5.325	70	1--3	1,29
10	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.10	5.276	70	1--3	1,28
11	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.11	12.941	70	1--3	3,13
12	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.12	4.228	70	1--3	1,02
13	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.13	4.300	70	1--3	1,04
14	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.14	4.607	70	1--3	1,11
15	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.15	2.407	70	1--3	0,58
16	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.16	2.748	70	1--3	0,66
17	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.17	3.296	70	1--3	0,80
18	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.18	6.026	70	1--3	1,46
19	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.19	4.836	70	1--3	1,17
20	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.20	10.025	70	1--3	2,42
21	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.21	10.092	70	1--3	2,44
22	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.22	10.053	70	1--3	2,43
23	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.23	10.132	70	1--3	2,45

24	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.24	12.780	70	1--3	3,09
25	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.25	28.820	70	1--3	6,96
26	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.26	28.016	70	1--3	6,77
27	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.27	24.929	70	1--3	6,02
28	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.28	13.934	70	1--3	3,37
29	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.29	5.180	70	1--3	1,25
30	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.30	3.034	70	1--3	0,73
31	Đất Nhà máy công nghiệp	CN.31	2.966	70	1--3	0,72
<b>II</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>HTKT</b>	<b>5.998</b>			<b>1,45</b>
<b>III</b>	<b>Đất Hành chính- Dịch vụ</b>	<b>HCDV</b>	<b>4.161</b>	<b>60</b>	<b>1--5</b>	<b>1,01</b>
<b>IV</b>	<b>Đất cây xanh, mặt nước</b>	<b>CX-MN</b>	<b>58.854</b>			<b>14,22</b>
1	Đất cây xanh	CX -01	19.440			4,70
2	Đất cây xanh	CX -02	2.545			0,62
3	Đất cây xanh	CX -03	4.972			1,20
4	Đất cây xanh	CX -04	11.049			2,67
5	Đất cây xanh	CX -05	17.653			4,27
6	Đất cây xanh	CX -06	1.481			0,36
7	Đất mặt nước	MN	1.714			0,41
<b>V</b>	<b>Đất giao thông, bãi đỗ xe</b>		<b>65.041</b>			<b>15,72</b>
1	Đất bãi đỗ xe	P1	1.340			0,32
2	Đất bãi đỗ xe	P2	6.213			1,50
3	Đất giao thông nội bộ		57.488			13,89

**Bảng cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh**

<b>BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH</b>						
STT	LOẠI ĐẤT	TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH		SAU ĐIỀU CHỈNH		CHÊNH LỆCH
		DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	(+) Tăng (-) Giảm
I	Đất Nhà máy, kho tàng	324.624	67,60	279.744	67,60	-44.880
II	Đất hạ tầng kỹ thuật	5.998	1,25	5.998	1,45	0
III	Đất Hành chính - Dịch vụ	6.017	1,25	4.161	1,01	-1.856
IV	Đất cây xanh, mặt nước	75.696	15,76	58.854	14,22	-16.842
V	Đất giao thông, bãi	67.897	14,14	65.041	15,72	-2.856

	đỗ xe					
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>	<b>480.232</b>	<b>100,00</b>	<b>413.798</b>	<b>100,00</b>	<b>-66.434</b>

**3. Các nội dung khác:** giữ nguyên theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được duyệt tại Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/5000; Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/5000;

**Điều 2.** Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; phòng Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã Cao Xá và UBND xã Ngọc Lý có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát chủ đầu tư trong việc thực hiện các nội dung điều chỉnh quy hoạch đã được duyệt.

Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên thực hiện đúng theo nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch được duyệt, đảm bảo có hiệu quả, đồng thời công bố công khai nội dung điều chỉnh quy hoạch và thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo đúng nội dung đã được điều chỉnh.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã Cao Xá và UBND xã Ngọc Lý; Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp và TMDV Tân Yên và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

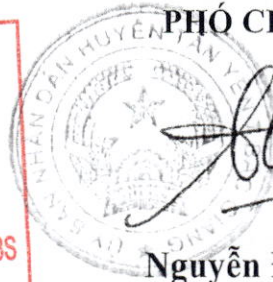
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng Bắc Giang (b/c);
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Phòng KH&ĐT huyện;
- TT VH&TT huyện (đăng tải);
- Lưu: VT.

Ngày: 07-10-2025

Số chứng thực: 2677 Quyển số: 1 SCT-BS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hùng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Tư Khoa

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường<sup>1</sup>: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của: Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên tại Văn bản số 06/CV-MT ngày 15/4/2025 và hồ sơ kèm theo; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 210/TTr-SNNMT ngày 22/4/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên, địa chỉ trụ sở chính tại khu Lãng Cao, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao.

1.2. Chủ dự án: Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên.

<sup>1</sup> từ ngày 01/3/2025 là Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1.3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400608075 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang) cấp đăng ký lần đầu ngày 04/6/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 25/7/2024.

- Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên.

- Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500).

- Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500).

1.5. Mã số thuế: 2400608075.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 48,02 ha; trong đó: 33,3 ha đã hoàn thiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật; còn 14,72 ha đang thực hiện hoàn thiện giải phóng mặt bằng và lập thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Nhóm dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*) và không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường<sup>2</sup>, không có yếu tố nhạy cảm về môi trường<sup>3</sup>.

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II<sup>4</sup> theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: San nền, giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, cây xanh,.. đầu tư

<sup>2</sup> quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

<sup>3</sup> quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

<sup>4</sup> quy định tại STT 4, mục II, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại mục 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

xây dựng, cho thuê kho, nhà xưởng công nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất công nghiệp của các nhà đầu tư theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 02/4/2021; Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; Công văn số 171/UBND-XD ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh, cụ thể: Đất Nhà máy, kho tàng 324.624 m<sup>2</sup>; đất hạ tầng kỹ thuật 5.998 m<sup>2</sup>; đất hành chính - dịch vụ 6.017 m<sup>2</sup>; đất cây xanh, mặt nước 75.696 m<sup>2</sup>; đất giao thông 67.897 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Tân Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Tân Yên để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này được ký ban hành.

Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (*trừ các nội dung yêu cầu chủ dự án tiếp tục thực hiện tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này*) và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND huyện Tân Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao” tại xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên làm chủ dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 252/QĐ-SNNMT ngày 13/3/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Chi cục Thuế khu vực VI; UBND huyện Tân Yên; UBND xã Cao Xá, UBND xã Ngọc Lý; Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng BVMT thuộc Sở NN&MT (lưu h/s);
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN; Công thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Thịnh**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của các đơn vị thứ cấp.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

01 dòng nước thải sau xử lý qua Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A được xả thải ra ngoài Cầu Đồng nằm ở phía Nam dự án.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ngòi Cầu Đồng nằm ở phía Nam dự án.

**2.2. Vị trí xả nước thải**

- Vị trí xả nước thải: Tại cửa xả nước thải sau xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trước khi vào ngòi Cầu Đồng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2362422; Y= 407696 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương 208,33 m<sup>3</sup>/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục 24h.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận (ngòi Cầu Đồng nằm ở phía Nam dự án) phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub> = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, Kq = 0,9 và Kf = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /s	-	Tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40	
3	pH	-	6 đến 9	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	
5	COD	mg/l	75	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30	03 tháng/lần
8	Asen	mg/l	0,05	
9	Thủy ngân	mg/l	0,005	
10	Chì	mg/l	0,1	
11	Cadimi	mg/l	0,05	
12	Sắt	mg/l	1	
13	Crom (III)	mg/l	0,2	
14	Crom (VI)	mg/l	0,05	
15	Niken	mg/l	0,2	
16	Kẽm	mg/l	3	
17	Mangan	mg/l	0,5	
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	
21	Florua	mg/l	5	
22	Sunfua	mg/l	0,2	
23	Clorua	mg/l	500	
24	Clo dư	mg/l	1	
25	Tổng Nitơ	mg/l	20	
26	Tổng Photpho (Tính theo P)	mg/l	4	
27	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
28	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
29	Coliform	Vi khuẩn /100ml	5.000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Nước thải từ khu vực lô đất công nghiệp của các đơn vị thứ cấp được xử lý cục bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B và nước thải từ khu vực nhà điều hành được dẫn theo hệ thống cống D400 của Cụm công nghiệp Lăng Cao dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải công nghiệp → Bể gom nước thải công nghiệp → Tách và lọc dầu → Bể điều chỉnh pH 1 → Bể phản ứng → Bể điều chỉnh pH 2 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa chất → Bể trung hòa pH → Bể trung gian gom nước thải (cùng với nước thải sinh hoạt sau bể lắng tại khu nhà điều hành) → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể sinh hóa → Lọc sinh học → Bể khử trùng → Bể xả nước thải → Quan trắc tự động → Nguồn tiếp nhận là ngòi Cầu Đồng.

- Công suất thiết kế: 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Công nghệ xử lý: Công nghệ hoá lý kết hợp sinh học.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
  - + PAC (28%): 135.000 kg/năm.
  - + PAM: 2.700 kg/năm.
  - + NaOH (99%): 45.000 kg/năm.
  - + H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> (50%): 45.000 kg/năm.
  - + FeSO<sub>4</sub> (90%): 2.400 kg/năm.
  - + CH<sub>3</sub>OH (95%): 18.000 kg/năm.
  - + NaClO (10%): 2.700 kg/năm.
  - + Viên nén clo: 4.500 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định, đã hoàn thành, cụ thể:

- Số lượng: 01 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- Vị trí lắp đặt: tại bể quan trắc tự động nước thải xử lý.
- Thông số giám sát tự động: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (tính theo N).

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: 02 camera theo dõi, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang để theo dõi, giám sát theo quy định.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

##### 1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

Dự án đã xây dựng hoàn thiện giai đoạn 1 của hồ sự cố, dung tích 5.000 m<sup>3</sup> (dung tích thiết kế là 10.000 m<sup>3</sup>); hồ sự cố được thiết kế đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.

##### 1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

###### a) Biện pháp phòng ngừa:

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ Trạm xử lý nước thải và từng công trình đơn vị, trong đó, ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành Trạm xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Bố trí công nhân có kinh nghiệm trong vận hành Trạm xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

- Vận hành hệ thống đúng quy trình.

- Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt.

- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

###### b) Phương án ứng phó sự cố:

Trường hợp Trạm xử lý nước thải bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục thì nước thải được dẫn lưu về các hồ sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể thu gom nước thải của Trạm xử lý nước thải để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (trong khoảng thời gian từ tháng 06/2025 đến tháng 11/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 02 vị trí tại 01 bể gom nước thải công nghiệp và 01 bể gom nước thải sinh hoạt.

- 01 vị trí tại điểm xả nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn hiệu chỉnh: Tối thiểu là 15 ngày/lần. Lấy (05) mẫu tổ hợp đầu vào và (05) mẫu tổ hợp đầu ra trong vòng 75 ngày.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy 01 mẫu đơn đầu vào và 03 mẫu đơn đầu ra trong 3 ngày liên tiếp (tần suất 01 mẫu/ngày).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiệm thu, đầy đủ trách nhiệm các nội dung theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

- Thực hiện các yêu cầu về quản lý, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 35 Thông tư 10/2021/TT-BNTMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực nhà điều hành của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí tại khu vực máy móc, thiết bị khu vực nhà điều hành của Trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X= 2362453; Y= 407733 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Ắc quy thải	19 06 01	2,0
2	Dầu thải (dầu động cơ, dầu cầu, dầu số)	17 02 04	20
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1,5
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	25
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, bãi bảo vệ thải dính nhiễm thành phần nguy hại (giẻ lau dầu, vật liệu nhiễm dầu,...)	18 02 01	2,0
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại (bể nước thải)	12 06 05	1.500
<b>Tổng cộng (kg/năm)</b>			<b>1.550,5</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên**

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh trong quá trình kinh doanh, dịch vụ thương mại hạ tầng cụm công nghiệp hầu như không đáng kể, chủ yếu là giấy bìa thải bỏ từ hoạt động văn phòng, với khối lượng khoảng 2 kg/tháng.

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động vận hành Trạm xử lý nước thải, chủ yếu là bao bì, thùng can không nhiễm thành phần nguy hại,..., với khối lượng khoảng 50 kg/năm.

**1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10 kg/ngày, gồm các loại vỏ, hộp, bao bì, giấy vệ sinh, túi ni lon,... không chứa thành phần nguy hại.**

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

## a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ trong các thùng nhựa, dung tích 120 lít/thùng, bên ngoài thùng có dán nhãn, cảnh báo CTNH với từng loại.

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, được đưa vào máy ép bùn, đóng bánh và chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định đối với chất thải nguy hại.

## b) Kho/khu vực lưu chứa:

- Bố trí kho chứa có diện tích xây dựng 47,38 m<sup>2</sup> (kích thước: 5,15m x 9,2m). Bên ngoài kho có gắn biển cảnh báo kích thước 30cmx30cm. Trong kho bố trí 02 bình bột CO<sub>2</sub> để phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ; bố trí xẻng và bao cát phòng ngừa sự cố tràn đổ hoá chất, chất thải nguy hại lỏng

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Tường móng xây bằng gạch bê tông không nung, xây với vữa xi măng mác 75. Tường ngăn được xây bằng gạch bê tông không nung, xây với vữa xi măng mác 75. Xây trụ và các kết cấu phức tạp dùng vữa xi măng mác 75. Vữa trát tường dùng vữa xi măng mác 75, vữa trát cột, dầm, trần và các cấu kiện khác dùng vữa xi măng mác 75. Nền nhà lát vữa xi măng mác 100 đánh màu, chống thấm. Cửa đi, cửa sổ công trình dùng cửa nhôm hệ Xingfa, hoa sắt cửa dùng hộp inox 304. Lan can hành lang sử dụng hộp inox 304. Mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm trên hệ xà gồ thép. Xung quanh kho có rãnh chống tràn 20x12cm, có hố ga thu nước kích thước 80x80x80cm.

- Vị trí kho chứa: Tại khu vực nhà kho số 1, khu nhà điều hành Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lãng Cao.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định, với tần suất khoảng 03 tháng/lần (tùy vào tình hình thu hút đầu tư của dự án).

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

## a) Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu chứa bằng các loại bao dứa, thùng nhựa, dung tích 120 lít/thùng và lưu chứa tạm thời trong kho.

## b) Kho/khu vực lưu chứa:

- Bố trí kho chứa có diện tích xây dựng 47,38m<sup>2</sup> (kích thước: 5,15m x 9,2m).

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Tường móng xây bằng gạch bê tông không nung, xây với vữa xi măng mác 75. Tường ngăn được xây bằng gạch bê tông không nung, xây với vữa xi măng mác 75. Xây trụ và các kết cấu phức tạp dùng vữa xi măng mác 75. Vữa trát tường dùng vữa xi măng mác 75, vữa trát cột, dầm, trần và các cấu kiện khác dùng vữa xi măng mác 75. Nền nhà lát vữa xi măng mác 100 đánh màu. Cửa đi, cửa sổ công trình dùng cửa nhôm hệ Xingfa, hoa sắt cửa dùng hộp inox 304. Lan can hành lang sử dụng hộp inox 304. Mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm trên hệ xà gồ thép.

- Vị trí kho chứa: Tại khu vực nhà kho số 1, khu nhà điều hành Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lãng Cao.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rắn công nghiệp thông thường theo quy định, với tần suất 03 tháng/lần.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

#### a) Thiết bị lưu chứa:

Rác thải sinh hoạt được lưu chứa vào các thùng rác 20 lít/thùng, đặt tại các khu văn phòng, nhà ăn.

#### b) Kho/khu vực lưu chứa:

Không bố trí kho lưu chứa chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng thu gom với đơn vị chức năng tại địa phương thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, với tần suất 02 ngày/lần.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất (nếu có) và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH BẮC GIANG PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 501/QĐ-UBND NGÀY 28/5/2024**

- Hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên diện tích 14,72 ha còn lại và xây dựng hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt (tỷ lệ 1/500).

- Xây dựng hoàn thiện giai đoạn 2 của hồ sự cố (dung tích 5.000 m<sup>3</sup>).

Sau khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích đất còn lại nêu trên theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh Bắc Giang xem xét, cấp giấy phép môi trường theo quy định.

**D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và TMDV Tân Yên có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của chủ dự án và các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thoát ra ngoài môi trường tiếp nhận,

không để hiện tượng rò rỉ, ngầm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thực hiện truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc nước thải tự động về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

- Đôn đốc, giám sát các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường, xử lý nước thải và đấu nối với Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Lãng Cao, huyện Tân Yên; quản lý chất thải phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 210/TTr-SNNMT ngày 22/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.

Số: 678 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao”

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 459/TTr-TNMT ngày 08/7/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lãng Cao” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu nêu tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên, Chủ tịch UBND xã Cao Xá, Chủ tịch UBND xã Ngọc Lý; Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
- + Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG**  
**KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP LĂNG CAO”**  
*(Kèm theo Quyết định số 678 /QĐ-UBND ngày 12 /7/2021 của UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Lăng Cao.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: xã Cao Xá và xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên.

1.3. Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp và thương mại dịch vụ Tân Yên.

1.4. Quy mô của dự án:

- Đầu tư xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500) đã được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 02/4/2021), với tổng diện tích 48,02 ha (trong đó có 3,4 ha là diện tích mỏ đất san lấp của Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác tại Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 11/3/2020, với trữ lượng 506.055m<sup>3</sup>, công suất khai thác 74.000 m<sup>3</sup>/năm, thời gian khai thác 7 năm tính từ thời điểm được cấp phép).

- Các ngành nghề thu hút vào Cụm công nghiệp: Cơ khí chế tạo, may mặc, thiết bị, linh kiện điện, điện tử, mạ điện, phối trộn hoá chất làm nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất (không phát sinh nước thải sản xuất trong quá trình hoạt động), lắp ráp linh kiện điện tử, sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác; sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất sản phẩm kim loại khác chưa được phân vào đầu, các ngành công nghiệp phụ trợ.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

**2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án**

- Hiện tại, trong diện tích 48,02 ha được quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lăng Cao, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500) có 3,4 ha là diện tích mỏ đất san lấp của Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý. Do vậy, trong quá trình triển khai chuẩn bị và thi công xây dựng, Chủ dự án sẽ tiến hành san nền và xây dựng trước phần diện tích 44,62 ha của dự án. Sau khi Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý kết thúc quá trình khai thác trả lại mặt bằng cho địa phương quản lý, Chủ dự án sẽ tiếp tục triển khai thi công xây dựng trên phần diện tích 3,4ha này sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ pháp lý theo quy định.

- Trên diện tích 3,4ha trước khi được cấp phép khai thác mỏ đất san lấp, Công ty TNHH sản xuất gạch ngói Ngọc Lý đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 721/QĐ-UBND ngày 24/9/2019. Do vậy, trong quá trình hoạt động khai thác đất, Công ty TNHH Sản

xuất gạch ngói Ngọc Lý phải thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Từ những nội dung trên, báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án sẽ thực hiện đánh giá cụ thể như sau:

- Trong quá trình chuẩn bị sẽ không đánh giá tác động trên diện tích 3,4 ha thuộc diện tích khai thác của Công ty TNHH sản xuất gạch ngói Ngọc Lý mà đánh giá quá trình chuẩn bị của dự án (*xúc bốc đất đá, san nền và vận chuyển đất dư thừa trên diện tích 44,6ha*): Giải phóng mặt bằng, dọn dẹp cây cối, sinh khối bề mặt và bóc lớp đất phủ bề mặt, đèn bù giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, quây tôn lấp đặt biển báo, đào đất san nền và vận chuyển đất dư thừa đến vị trí đổ đất, bố trí khu vực chứa nguyên vật liệu, bố trí khu vực lán trại công nhân, và công trình phụ khác.

- Trong quá trình xây dựng sẽ đánh giá trên diện tích tổng thể 48,02ha của dự án, bao gồm:

+ Đánh giá tác động từ quá trình thi công, xây dựng trên diện tích 44,62 ha của dự án.

+ Đánh giá tác động từ quá trình thi công xây dựng trên diện tích 3,4 ha của dự án sau khi Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý kết thúc khai thác hoàn trả mặt bằng.

#### 2.1.1. Tác động tới môi trường không khí, tiếng ồn

\* Hoạt động chuẩn bị (*xúc bốc đất đá, san nền và vận chuyển đất dư thừa*) và thi công xây dựng trên diện tích 44,62 ha

- Bụi, khí thải phát sinh từ các máy móc trong quá trình phát quang thảm thực vật; thi công xúc bốc đất đá, san gạt đất trên mặt bằng dự án; từ các máy móc, thiết bị thi công, xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, vận chuyển thực vật phát quang và đất dư thừa đến nơi san lấp.

- Bụi phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động đào, đắp đất san nền; từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn kim loại.

- Bụi từ quá trình cấp phối đá dăm và thổi bụi trước khi trải nhựa.

- Hơi nhựa đường phát sinh trong quá trình trải nhựa tuyến đường nội bộ.

\* Hoạt động thi công xây dựng trên diện tích 3,4 ha

- Bụi, khí thải phát sinh từ máy móc thi công san gạt mặt bằng.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các thiết bị thi công xây dựng và đấu nối hạ tầng với khu vực đã xây dựng.

#### 2.1.2. Tác động đối với môi trường nước

\* Hoạt động chuẩn bị (*xúc bốc đất đá, san nền và vận chuyển đất dư thừa*) và thi công xây dựng trên diện tích 44,62 ha

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân xây dựng khoảng  $6,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .
- Nước thải thi công xây dựng phát sinh khoảng  $5 - 7 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường,... kéo theo bụi bẩn và các chất ô nhiễm khác vào nguồn tiếp nhận.

\* Hoạt động thi công xây dựng trên diện tích  $3,4 \text{ ha}$

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân xây dựng khoảng  $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .
- Nước thải thi công xây dựng phát sinh khoảng  $3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường,... kéo theo bụi bẩn và các chất ô nhiễm khác vào nguồn tiếp nhận.

### 2.1.3. Tác động của chất thải rắn

\* Hoạt động chuẩn bị (xúc bốc đất đá, san nền và vận chuyển đất dư thừa) và thi công xây dựng trên diện tích  $44,62 \text{ ha}$

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng  $32,5 \text{ kg}/\text{ngày}$ .
- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng  $0,032 \text{ tấn}/\text{ngày}$
- Cây cối từ quá trình phát quang khoảng  $578,842 \text{ tấn}$ .
- Đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khoảng  $0,406 \text{ tấn đất đá}/\text{ngày}$ .
- Đất đá dư thừa cần vận chuyển đi ra ngoài dự án khoảng  $2.438.683 \text{ m}^3$ , tương đương  $2.926.420,38 \text{ tấn}$ .
- Bùn, đất hữu cơ khoảng  $13.225,5 \text{ m}^3$ .
- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các hạng mục công trình hiện trạng khoảng  $187,5 \text{ m}^3$ .

\* Hoạt động thi công xây dựng trên diện tích  $3,4 \text{ ha}$

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng  $10 \text{ kg}/\text{ngày}$ .
- Chất thải rắn xây dựng khoảng  $1 \text{ tấn}$ .

### 2.1.4. Tác động của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong cả quá trình san nền ( $44,62 \text{ ha}$ ) và xây dựng của dự án ( $48,02 \text{ ha}$ ) khoảng  $8 \text{ kg}/\text{tháng}$ .

### 2.1.5. Rủi ro, sự cố môi trường

Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện,...

## 2.2. Giai đoạn hoạt động của dự án (hoạt động tổng thể)

Hiện tại, trong diện tích  $48,02 \text{ ha}$  được Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Lãng Cao (tỷ lệ  $1/500$ ) có 02 lô đất công nghiệp (CN-01 và CN-02) thuộc diện tích  $3,4 \text{ ha}$  là mỏ đất của Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý. Do vậy, trong quá trình thu hút đầu tư của dự án, Chủ đầu tư cam kết khi Công ty TNHH sản xuất gạch ngói Ngọc Lý kết thúc khai thác trả lại mặt bằng cho địa phương và sau khi hoàn thành các thủ tục hồ sơ pháp lý trên diện tích  $3,4 \text{ ha}$  theo đúng quy định thì mới thu hút các đơn vị thứ cấp vào đầu tư tại 02 lô đất này.

### 2.2.1. Tác động tới môi trường không khí, tiếng ồn

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thứ cấp, từ các phương tiện giao thông.

- Mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

### 2.2.2. Tác động đối với môi trường nước

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh khoảng 1.920,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường, mái nhà,... kéo theo bụi bẩn và các chất ô nhiễm khác vào nguồn tiếp nhận.

### 2.2.3. Tác động của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 32 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 6,4 tấn/ngày.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5,64 tấn/ngày.

### 2.2.4. Rủi ro, sự cố môi trường

Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố rò rỉ hóa chất; sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung,...

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

#### 3.1.1. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Tiến hành che chắn xung quanh khu vực san nền bằng hàng rào tôn cao 2m, bao quanh khu vực xây dựng dự án nhằm giảm phát tán bụi, khí thải trong quá trình thi công.

- Các phương tiện vận chuyển đất, đá dư thừa và nguyên vật liệu xây dựng khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Phun nước dập bụi trong khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển đất, đá dư thừa (từ khu vực dự án hết tuyến đường đất liên thôn, xã đến điểm đầu nối với đường tỉnh 298) và vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng (đoạn đường đi qua các khu dân cư, khu trường học,...) để giảm bụi, với tần suất từ 2 - 4 lần/ngày.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân khi làm việc (như: khẩu trang, mũ ủng, quần áo bảo hộ lao động).

- Đá dăm rải đường được làm ẩm đúng tiêu chuẩn. Các phương tiện vận chuyển đá dăm được che chắn kín để hạn chế việc khuếch tán bụi ra môi trường dọc tuyến đường vận chuyển.

- Đối với bụi, hơi nhựa phát sinh trong quá trình trải nhựa đường nội bộ: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này (như: kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ...). Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi trải nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình hàn: Bố trí hàn tại khu vực khuất gió hạn chế phát tán khói hàn ra xung quanh. Công nhân làm việc trực tiếp được trang bị kính mắt, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,.. đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe.

### 3.1.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

- Nước thải sinh hoạt:

Xây dựng nhà vệ sinh tạm có bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 15m<sup>3</sup>) để xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Định kỳ (03 tháng/lần), Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn đem đi xử lý và bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại trong thời gian xây dựng, san nền.

Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án cho công nhân dỡ bỏ bể tự hoại 3 ngăn này và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển toàn bộ lượng cặn trong bể tự hoại đem đi xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước mưa đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài.

+ Các tuyến thoát nước mưa, nước thải thi công được thực hiện phù hợp với việc tiêu thoát nước của khu vực.

+ Định kỳ (01 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

### 3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt:

Bố trí 05 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực lán trại tạm và công trường để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 04 lần/tuần).

- Chất thải xây dựng được thu gom, phân loại tại nguồn, cụ thể:

+ Đối với sắt, thép, bao bì, gỗ,... được thu gom tái sử dụng cho mục đích khác hoặc bán cho các đơn vị thu mua.

+ Đối với các chất thải rắn vô cơ là vật liệu xây dựng, đá, cát, sỏi, xi măng chết trong xây dựng được sử dụng san nền ngay trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án.

- Cây cối từ quá trình phát quang được giao cho người dân có đất để tự thu hoạch làm nguyên liệu hoặc củi phục vụ đun nấu.

- Đối với đất đá rơi vãi và chất thải phá dỡ các công trình hiện trạng:

+ Tất cả các xe phải có bạt che phủ không để đất đá thải rơi vãi. Bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển. Tận dụng đất đá rơi vãi làm nguyên liệu san lấp mặt bằng ngay tại dự án.

+ Tôn thép phá dỡ tận dụng được làm nguyên liệu trong quá trình xây dựng. Các chất thải không tận dụng được, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (tần suất 02 lần/tuần).

- Đối với bùn và đất hữu cơ trong quá trình đào đắp:

+ Bùn và đất bóc hữu cơ được thu gom, đổ thải tại bãi đổ thải tạm thời diện tích 1.000 m<sup>2</sup> tại vị trí phía Đông Bắc của dự án. Lớp đất này sẽ được tận dụng đổ hồ trồng cây xanh trong khu vực dự án, không vận chuyển ra ngoài.

+ Tiến hành bóc lớp đất bề mặt vào mùa khô, trong quá trình lưu trữ sẽ dùng bạt che phủ khi trời mưa để giảm thiểu đất bị cuốn trôi ra môi trường.

- Đối với đất, đá dư thừa sau khi san nền:

+ Đất, đá dư thừa sau khi san nền (khối lượng 2.438.683m<sup>3</sup>) được vận chuyển đi làm vật liệu san lấp, đắp nền các công trình xây dựng trên địa bàn huyện Tân Yên và huyện Việt Yên (cụ thể: dự án Khu đô thị phía Đông, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Việt Hàn (giai đoạn 1), huyện Việt Yên).

+ Chủ dự án cam kết chỉ khai thác, vận chuyển đất, đá dư thừa ra khỏi dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản và thực hiện đầy đủ các quy định liên quan.

#### 3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH). Các thùng chứa CTNH sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 10m<sup>2</sup>. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

#### 3.1.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình từ khâu chuẩn bị thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

- Không vận hành máy móc trong thời tiết nắng gắt, đặc biệt là không thay dầu, bảo dưỡng máy gần nguồn dễ phát sinh cháy nổ. Nghiêm cấm công nhân

hút thuốc lá khi đang vận hành, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị. Không để các vật liệu dễ cháy nổ tại các khu vực có nguồn gây cháy.

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công tập huấn phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân tham gia xây dựng trên công trường; yêu cầu bắt buộc tuân thủ quy định về an toàn giao thông đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, cũng như công nhân làm việc tại dự án.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ; kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng; tổ chức khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo và giải quyết sự cố sập, đổ máy, thiết bị, vật tư sử dụng trong thi công xây dựng theo đúng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,... và phải có những quy định nghiêm ngặt về sử dụng.

### **3.2. Giai đoạn hoạt động của dự án (hoạt động tổng thể)**

#### **3.2.1. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải**

\* Đối với Chủ dự án:

- Thường xuyên giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp Lăng Cao (CCN).

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực hành chính và các đơn vị thứ cấp.

- Thực hiện công tác đánh giá hoạt động sản xuất của nhà đầu tư thứ cấp khi lựa chọn nhà đầu tư thuê đất CCN theo hướng ưu tiên các nhà máy sử dụng công nghệ sạch, tiên tiến, thân thiện với môi trường; các dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín, không hoặc ít phát sinh hơi, mùi, khí thải ra bên ngoài; nhiên liệu sử dụng (nếu có) ưu tiên những nhà máy sử dụng khí gaz, LPG, hay các nhiên liệu hóa thạch truyền thống có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư vào dự án là "Các nhà máy, xí nghiệp thuê đất của dự án phải xử lý khí thải đạt giới hạn cho phép theo các TCVN, QCVN hiện hành trước khi thải ra môi trường".

- Đối với khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng: Sử dụng nhiên liệu chạy máy phát điện có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm thiểu các chất gây ô nhiễm trong khí thải. Thường xuyên bảo dưỡng máy phát điện để đảm bảo các tiêu chuẩn quy định.

- Đối với mùi hôi phát sinh từ khu vực trạm xử lý nước thải tập trung: Luôn luôn đảm bảo các đơn nguyên hoạt động ổn định, tránh hiện tượng kỵ khí xảy ra ở các đơn nguyên để hạn chế phát sinh mùi hôi. Trạm xử lý nước thải được xây dựng chìm, các bể xử lý được đậy kín nên không phát tán khí thải, mùi ra môi trường xung quanh.

\* Đối với các đơn vị thứ cấp trong CCN:

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi

trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận.

- Khuyến khích các nhà máy đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường, khuyến khích sử dụng các loại nhiên liệu sạch thay thế các nhiên liệu hóa thạch truyền thống.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp, đảm bảo khí thải thoát ra môi trường đảm bảo đạt QCVN hiện hành.

### 3.2.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

\* Nước thải

- Đối với Chủ dự án:

Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải, đầu nối toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp để xử lý tập trung tại Trạm xử lý nước thải công suất 2.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm, với công nghệ hóa lý kết hợp sinh học, đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Chủ dự án xây dựng hồ sục (hồ sinh học) với thể tích 4.400 m<sup>3</sup> để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

- Đối với các đơn vị thứ cấp trong CCN:

Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải của đơn vị mình đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN.

\* Nước mưa:

- Chủ dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước mưa. Nước mưa của toàn CCN được thoát vào hệ thống cống rãnh có nắp đan, nước mưa từ mặt đường được thu vào các hàm ếch sau đó chảy vào hệ thống thoát nước mưa và được thoát ra hệ thống mương thoát nước của khu vực. Dọc theo tuyến cống thoát nước mưa có bố trí các hố ga để lắng cặn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận, trung bình 30m bố trí 1 hố ga.

- Hệ thống tuyến cống thoát nước mưa của CCN được thiết kế bằng cống bê tông cốt thép D600-D1500, độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ ; hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30m.

### 3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

\* Đối với Chủ dự án:

- Quản lý và xử lý chất thải tại khu nhà điều hành Trạm xử lý nước thải và Trạm xử lý nước thải.

- Phân loại, thu gom, xử lý chất thải phát sinh tại khu điều hành Trạm xử lý chất thải.

- Nạo vét bùn, hút bùn từ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải.

- Bố trí khu vực thu gom rác thải sinh hoạt, bố trí kho chất thải nguy hại diện tích 6m<sup>2</sup> tại khu vực sát khu vực nhà điều hành Trạm xử lý nước thải theo

đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

\* Đối với đơn vị thứ cấp trong CCN:

Các đơn vị thứ cấp phải thực hiện lập các thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật và thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận.

#### 3.2.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

\* Đối với Chủ dự án:

- Xây dựng hồ sự cố (hồ sinh học) với thể tích hồ 4.400m<sup>3</sup>.
- Định kỳ (03 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống thu gom nước thải nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc xây mới.
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ CCN.
- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động để liên tục quan trắc chất lượng nước thải và truyền tin hiệu kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để theo dõi, giám sát.

\* Đối với đơn vị thứ cấp trong CCN:

- Các nhà máy có lò hơi phục vụ sản xuất: Khi lắp đặt phải mời cơ quan giám định, kiểm tra cấp chứng chỉ về an toàn áp lực lò hơi; xây dựng nội quy vận hành lò hơi, nội quy phòng cháy chữa cháy cho toàn nhà máy và những người làm công tác vận hành phải thông thạo và bắt buộc chấp hành các nội quy này.

- Các nhà máy có các bồn chứa nhiên liệu lỏng hay khí được tích trữ để phục vụ sản xuất kinh doanh:

+ Hệ thống kho chứa nguyên nhiên liệu của các nhà máy phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật, an toàn (bao gồm các hệ thống làm mát, van thoát hơi, hệ thống chống sét, hệ thống cứu hoả...),

+ Xung quanh các bồn bể chứa hoá chất, nhiên liệu, sản phẩm có các mương rãnh phòng ngừa sự cố rò rỉ, chảy tràn nhiên liệu trong quá trình xuất nhập và sự cố tràn đổ.

+ Thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật và biện pháp an toàn trong quá trình nhập và xuất nguyên, nhiên liệu.

- Các nhà máy có sử dụng hóa chất:

+ Khu vực kho đựng hóa chất của các nhà máy phải có lối ra vào phù hợp, được mở hướng ra ngoài, cửa phải có kích cỡ tương ứng để cho phép vận chuyển hóa chất một cách an toàn. Nhà kho luôn được giữ khô ráo.

+ Các trang thiết bị chữa cháy và khắc phục các sự cố khác phải phù hợp với quy mô kho và tính chất của hóa chất.

**4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:** Chi tiết tại nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

**5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án**

**5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án**

*a) Không khí làm việc:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí khu vực đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật, 01 vị trí tại khu vực bốc xúc đất đá dư thừa).

- Thông số giám sát: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, tiếng ồn, độ rung,...

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 27:2016/BYT.

*b) Nước thải sinh hoạt:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tập trung nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực lán trại trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P), tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

**5.2. Giai đoạn hoạt động của dự án (hoạt động tổng thể)**

Chủ dự án chịu trách nhiệm vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào ngòi Cầu Đồng và thực hiện chương trình giám sát môi trường.

*a) Nước thải*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận của Trạm xử lý nước thải và 01 vị trí tại bể thu gom đầu vào Trạm xử lý nước thải).

- Thông số giám sát môi trường nước thải: Nhiệt độ, pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Sắt, tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng phot pho (tính theo P), Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

*b) Hệ thống quan trắc nước thải tự động:*

- Chủ dự án sẽ lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động với 06 thông số: pH, lưu lượng, nhiệt độ, amoni, COD, chất rắn lơ lửng.

- Hệ thống quan trắc tự động sẽ liên tục quan trắc và truyền tín hiệu kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để theo dõi, giám sát.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

#### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

- Chủ dự án có trách nhiệm đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình xử lý chất thải của dự án đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường; chấp hành nghiêm các quy định pháp luật hiện hành về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông và quy định có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

- Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án trước khi dự án đi vào vận hành chính thức. Đồng thời, lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 459/TTr-TNMT ngày 08/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 2400608075**

*Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 06 năm 2012*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 25 tháng 07 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP VÀ TMDV TÂN YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN YEN INDUSTRY TRADE AND SERVICES INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ĐẦU TƯ CN-TMDV JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Khu Lãng Cao, Xã Cao Xá, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Điện thoại: 0913260056

Fax:

Email: ccntanyen2022@gmail.com

Website:

**3. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NÔNG THỊ BÍCH THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/01/1980

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 004180005008

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 30, BT3, Khu 5, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 30, BT3, Khu 5, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

\* Họ và tên: LIANG DONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 13/04/1970 Dân tộc: Quốc tịch: Mỹ

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 568142435

Ngày cấp: 14/11/2020 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ

Địa chỉ thường trú: 5001 Sheboygan Ave #312, Madison, WI 53705, Mỹ

Địa chỉ liên lạc: Chung cư Udic westlake đường Võ Chí Công, Phường Phú Thượng,  
Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



NGUYỄN BÁ THẮNG